

Số: 27/2026/CV
No.: 27/2026/CV

TP. HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2026
Ho Chi Minh City, date 26 month 02 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: - *The State Securities Commission*
- *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/*Stock code*: HAX

- Địa chỉ/*Address*: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. HCM

333 Dien Bien Phu Street, Gia Dinh Ward, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028 3512 0026

Fax: 028 3512 0025

- E-mail: haxaco@haxaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*: Báo cáo thường niên công ty năm 2025/
Annual report 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/02/2026 tại
đường dẫn <http://www.haxaco.com.vn/>.

*This information was published on the company's website on 26/02/2026 as in the link
<http://www.haxaco.com.vn/>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full
responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo thường niên năm 2025/

Annual report 2025

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



ĐỖ TIẾN DŨNG
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

VỮNG BẢN LĨNH BỀN TƯỞNG LAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025



MỤC LỤC

01

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

02

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội Công ty

04

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ủy ban kiểm toán
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

06

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

- Ý kiến của kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

0302000126 đăng ký lần đầu ngày 17/05/2000, Đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 20/09/2025

VỐN ĐIỀU LỆ

1.074.396.810.000 đồng

MÃ CỔ PHIẾU: HAX

Vốn đầu tư của chủ sở hữu 1.074.396.810.000 đồng

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Tổng số cổ phiếu: 107.439.681 cổ phiếu

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3512 0026

Số fax: (028) 35212 0025

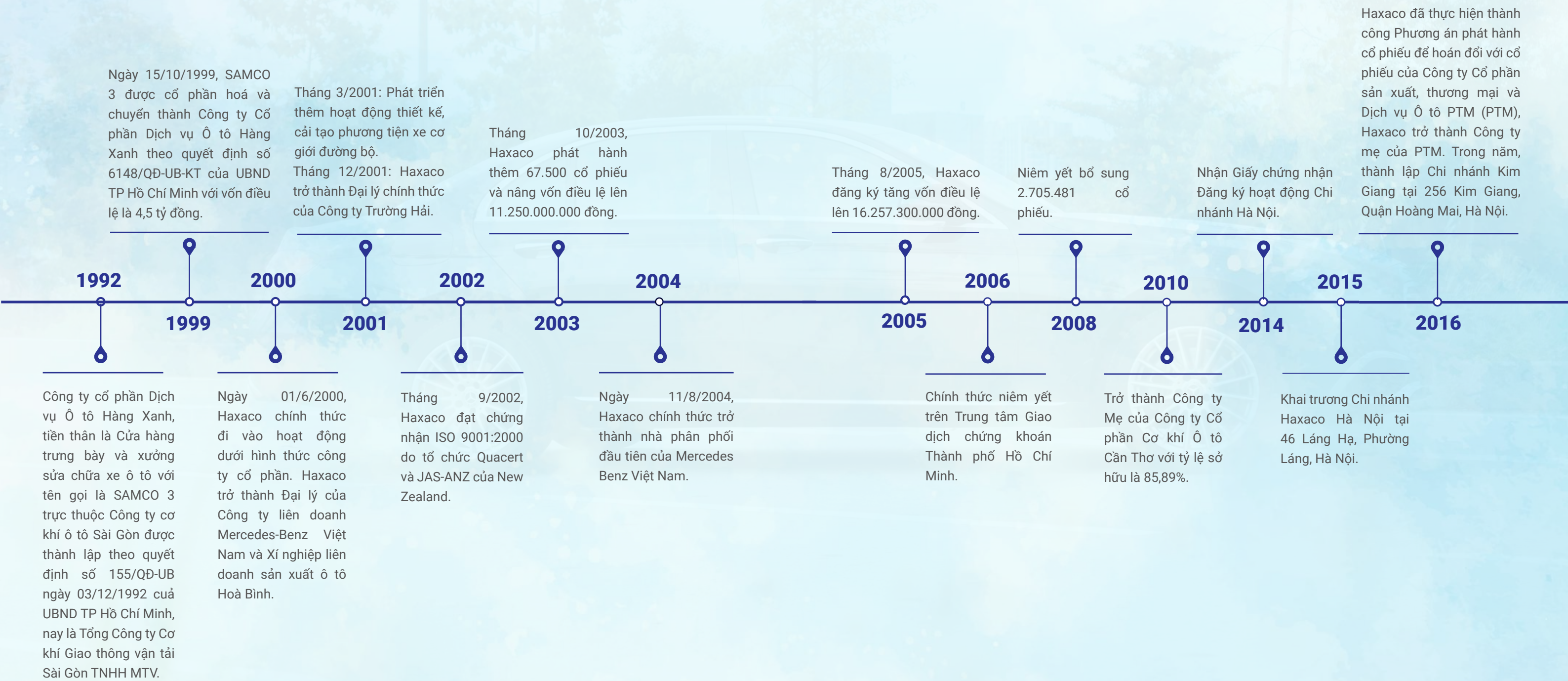
Website: <http://www.haxaco.com.vn>

Sàn giao dịch: HSX

Logo:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Haxaco đã đạt được nhiều giải thưởng, cả 04 Đại lý của Haxaco Điện Biên Phủ, Láng Hạ, Kim Giang và Võ Văn Kiệt đều đạt được các thành tích trong bảng xếp hạng các Đại lý của Mercedes-Benz Việt Nam.

Tiếp tục phát huy vị thế, cả 04 Đại lý của Haxaco Điện Biên Phủ, Láng Hạ, Kim Giang và Võ Văn Kiệt đều vượt xuất sắc chỉ tiêu doanh số bán hàng và nằm trong top đầu đại lý về doanh số bán xe Mercedes-Benz tại thị trường Việt Nam.

Tháng 02/2023, Haxaco thực hiện phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu phát hành với tỷ lệ chuyển đổi 12:100, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 719.434.340.000 đồng. Tháng 06/2023, Haxaco tiếp tục nâng tổng vốn điều lệ lên 899.275.650.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cùng năm, tháng 10/2023, Haxaco hoàn tất phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) với tổng số lượng phát hành là 3.500.000 cổ phiếu, đưa tổng vốn điều lệ lên 934.275.650.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 23/9/2023, Haxaco phối hợp cùng Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam khai trương showroom Flaship của MG tại 54 Kinh Dương Vương. Đây là showroom có quy mô lớn và hoành tráng nhất của MG tại Việt Nam.

Tháng 05/2024, Haxaco thực hiện phát hành 14.012.116 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 1.074.396.810.000 đồng. Ngày 24/10/2024, Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (SMV) và Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (PTM) – công ty con của Tập đoàn Haxaco – đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược. Thỏa thuận này mở rộng hệ thống đại lý MG, phát triển dịch vụ sau bán hàng và đẩy mạnh quảng bá, góp phần thúc đẩy doanh số MG. Ngoài ra, Haxaco còn được rót thêm vốn từ quỹ đầu tư Pyn Elite Fund (Phần Lan), thể hiện niềm tin vào tiềm năng phát triển của Công ty.



2018

2019

2020

2021

2022

2023

2024

2025

Năm đầu tiên trong vòng gần 10 năm qua, Haxaco vươn lên vị trí dẫn đầu các đại lý phân phối xe Mercedes-Benz tại Việt Nam. Thị phần bán xe của Haxaco đạt 38% trong năm 2018 đánh dấu một mốc son lịch sử đáng nhớ đồng thời cũng khẳng định vị trí và thương hiệu hàng đầu của Haxaco.

Haxaco được vinh danh trong Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2020 do Vietnam Report và báo Vietnamnet tổ chức thực hiện.

Haxaco khai trương chi nhánh Mercedes-Benz tại Cần thơ với tổng diện tích hơn 4000m². Đây là đại lý thứ 5 của Haxaco trên bản đồ Mercedes-Benz tại Việt Nam và là Showroom Mercedes-Benz đầu tiên ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Trong khuôn khổ Lễ Vinh danh các nhà phân phối xuất sắc nhất do Mercedes-Benz Việt Nam tổ chức, Haxaco tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu khi giành được nhiều giải thưởng danh giá nhất trong số các đơn vị phân phối chính hãng Mercedes-Benz trên toàn quốc. Cụ thể, Haxaco vinh dự nhận các giải thưởng: Nhà phân phối của năm, Trưởng phòng phụ tùng xuất sắc nhất, Nhân viên tư vấn bán hàng xuất sắc nhất, Nhân viên tư vấn bán xe đã qua sử dụng xuất sắc nhất, Chuyên viên tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất, Giải thưởng gắn bó lâu dài với thương hiệu Mercedes-Benz.

Năm 2025, Công ty con của Haxaco - Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM (mã chứng khoán: PTM) chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

HAXACO ĐIỆN BIÊN PHỦ

- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2020
- » Xưởng dịch vụ kinh doanh phụ tùng tốt nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng Xe đã qua sử dụng xuất sắc nhất năm 2020
- » Chuyên viên sản phẩm xuất sắc nhất năm 2020
- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2021
- » Showroom của năm 2021
- » Xưởng dịch vụ của năm 2021
- » Xưởng dịch vụ có độ trung thành khách hàng cao nhất năm 2021
- » Đại lý hoạt động tiếp thị xuất sắc nhất năm 2022
- » Xưởng dịch vụ xuất sắc nhất năm 2022
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2022
- » Giải thưởng Nhân viên gắn bó lâu dài với thương hiệu Mercedes-Benz năm 2023
- » Nhà phân phối của năm 2024
- » Nhân viên tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2024
- » Nhân viên tư vấn bán xe đã qua sử dụng xuất sắc nhất năm 2024
- » Chuyên viên tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất năm 2024
- » Giải thưởng gắn bó lâu dài với thương hiệu Mercedes-Benz năm 2024



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

HAXACO KIM GIANG

- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2020
- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2021
- » Xưởng dịch vụ có chỉ số hài lòng khách hàng cao nhất năm 2021
- » Chuyên viên kinh doanh phụ tùng tốt nhất năm 2021
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021
- » Tư vấn bán xe cho khách hàng trọng điểm xuất sắc nhất năm 2021
- » Nhà phân phối của năm 2024
- » Nhân viên tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2024

HAXACO CẦN THƠ

- » Nhà phân phối của năm 2024





CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

HAXACO VÕ VĂN KIỆT

- » Xưởng dịch vụ kinh doanh phụ tùng qua kênh OTC tốt nhất năm 2020
- » Xưởng dịch vụ kinh doanh phụ tùng tốt nhất năm 2020
- » Trưởng phòng bán xe cho Khách hàng Trọng điểm tốt nhất năm 2020
- » Tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất năm 2020
- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2021
- » Xưởng dịch vụ hiệu quả nhất năm 2021
- » Showroom kinh doanh xe ký gửi tốt nhất năm 2021
- » Showroom của năm 2021
- » Chuyên viên sản phẩm xuất sắc nhất năm 2021
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021
- » Xưởng dịch vụ có độ trung thành khách hàng cao nhất năm 2022;
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2022
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2022
- » Chuyên viên sản phẩm xuất sắc nhất năm 2022
- » Showroom của năm 2023
- » Xưởng dịch vụ có độ trung thành khách hàng cao nhất năm 2023





CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

HAXACO LẮNG HẠ

- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2020
- » Showroom của năm 2020
- » Showroom có chỉ số hài lòng khách hàng cao nhất năm 2020
- » Tư vấn bán xe Mercedes-Maybach xuất sắc nhất năm 2020
- » Đại lý xuất sắc nhất năm 2021
- » Đại lý kinh doanh phụ tùng qua kênh OTC tốt nhất năm 2021
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2021
- » Đại lý kinh doanh xe cho khách hàng trọng điểm xuất sắc nhất năm 2022
- » Đại lý kinh doanh sản phẩm dịch vụ tốt nhất năm 2022
- » Đại lý kinh doanh phụ tùng qua kênh OTC tốt nhất năm 2022
- » Xưởng dịch vụ của năm 2022
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2022
- » Tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất năm 2022
- » Xưởng dịch vụ của năm 2023
- » Tư vấn dịch vụ xuất sắc nhất năm 2023
- » Đại lý kinh doanh phụ tùng qua kênh OTC tốt nhất 2023
- » Tư vấn bán hàng xuất sắc nhất năm 2024
- » Trưởng phòng phụ tùng xuất sắc nhất năm 2024



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
1	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành các loại ô tô (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
2	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý mua bán xe ô tô;
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
4	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới thùng xe các loại; Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
5	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
9	Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;
10	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đấu giá hàng hóa) (trừ các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
11	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
12	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
13	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
14	Đánh giá rủi ro và thiệt hại. Chi tiết: Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.
15	Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ô tô, mạng lưới kinh doanh của Haxaco đang tiếp tục được mở rộng. Haxaco hiện đang có tổng cộng 4 cơ sở bao gồm 3 đại lý ở khu vực miền Nam (Haxaco Điện Biên Phủ, Haxaco Võ Văn Kiệt, Haxaco Cần Thơ) và 1 đại lý ở khu vực miền Bắc (Haxaco Láng Hạ).

Haxaco hiện đang vận hành mạng lưới đại lý rộng khắp tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả ba miền, đáp ứng các tiêu chuẩn 3S Premium toàn cầu đối với dòng xe MG. Hệ thống phân phối này không chỉ tập trung tại các đô thị lớn như TP. HCM, Hà Nội, Cần Thơ mà còn mở rộng sự hiện diện tại nhiều địa phương khác trên toàn quốc.

Với dòng xe Vinfast, hiện tại, Haxaco sở hữu đại lý tại Công ty Cổ phần Ô tô An Thái.

MẠNG LƯỚI ĐẠI LÝ CỦA HAXACO



Haxaco Điện Biên Phủ



Haxaco Võ Văn Kiệt



Haxaco Cần Thơ



Haxaco Láng Hạ

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên HĐQT không điều hành và 1 thành viên HĐQT độc lập. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban Kiểm toán là cơ quan trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được một hệ thống hiệu quả về kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài, bao gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ủy ban kiểm toán gồm có 2 thành viên.



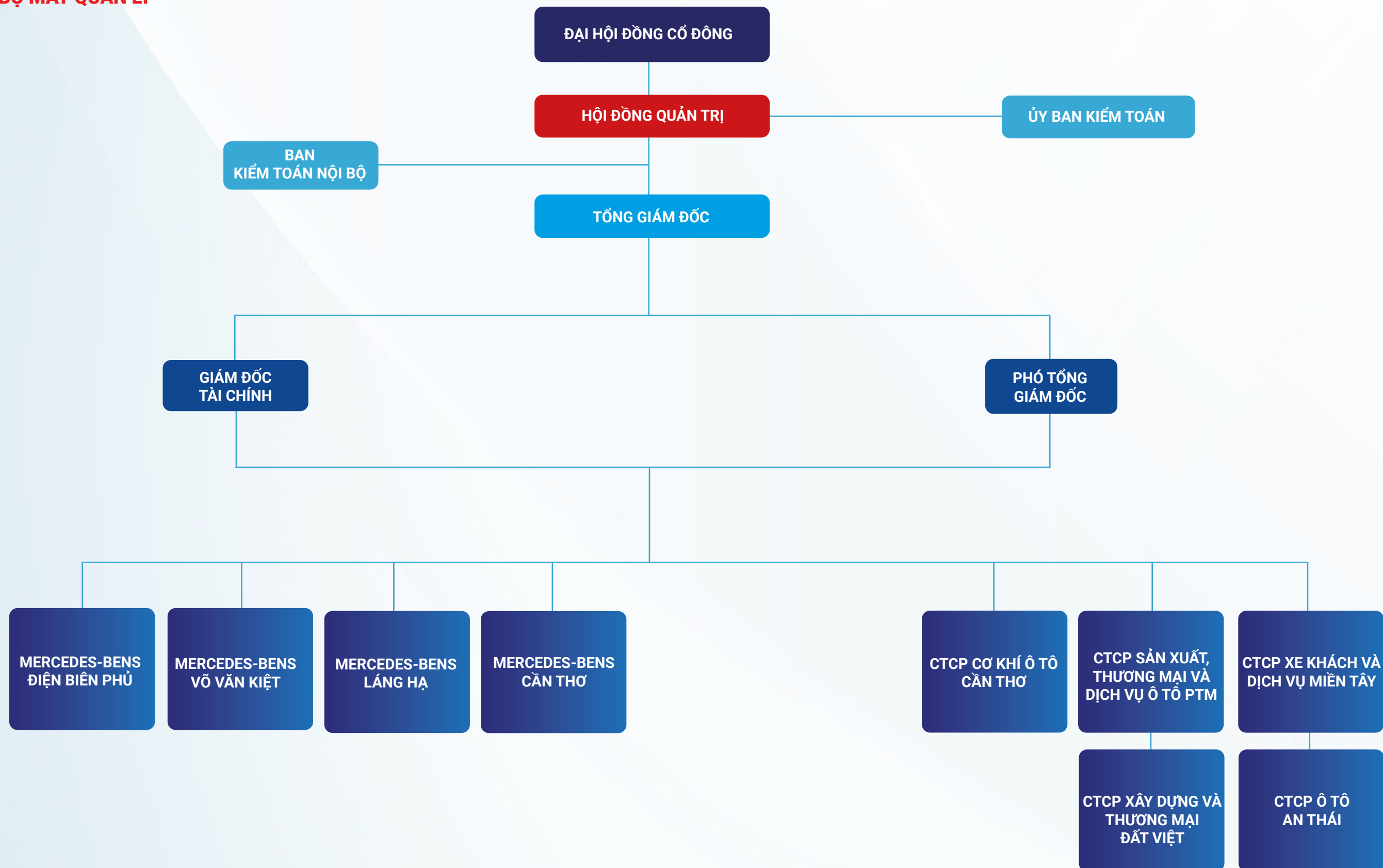
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật, nhưng Tổng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

S T T	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ đã góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành Ô tô. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại Ô tô.	46.606.800.000	42.328.300.000	90,82%	90,82%
2	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Định Công, TP. Hà Nội	Bán buôn Ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý Ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng Ô tô và các bộ phận phụ trợ của Ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng và sửa chữa Ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của Ô tô, xe máy; Bán lẻ Ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa Ô tô và xe có động cơ khác.	320.000.000.000	165.179.600.000	51,62%	51,62%
3	Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý mua bán những dòng sản phẩm xe ô tô mang thương hiệu Nissan và MG; Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở xuống và kinh doanh phụ tùng ô tô; Đầu tư tài chính	46.250.000.000	28.725.570.000	62,11%	62,11%

S T T	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Vốn điều lệ đã góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Ô tô An Thái (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở); Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô; Mua bán xe ô tô, máy móc phụ tùng các loại động cơ nổ; Hàng trang trí nội thất xe ô tô, thiết bị vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Sản xuất thân xe có động cơ và romooc; Sản xuất chi tiết và phụ tùng xe có động cơ; Sản xuất, mua bán các thiết bị sản phẩm cơ khí; Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán vật tư, thiết bị, công nghệ máy móc, phụ tùng ngành giao thông; Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng xe ô tô; Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, văn phòng, nhà ở	30.000.000.000	0	0%	52,35%
5	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt (**)	97 Đường Ngô Quyền, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng, Việt Nam		15.000.000.000	0	0%	99,33%

(*) Công ty Cổ phần Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Ô tô An Thái)

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đất Việt)

Haxaco không có công ty liên kết.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Trở thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phân phối xe sang, kiến tạo xu hướng và định vị vị thế dẫn đầu thị trường.

- Đối với khách hàng: Đặt khách hàng lên hàng đầu, mang đến trải nghiệm mua sắm đẳng cấp và phục vụ tận tâm. Haxaco luôn tiếp thu các ý kiến quý giá từ khách hàng và không ngừng cải thiện để đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng
- Đối với cổ đông và đối tác: Hướng đến sự hợp tác và phát triển lâu dài, bền vững. Haxaco luôn coi trọng sự uy tín và cố gắng đảm bảo lợi ích cho cổ đông và đối tác.
- Đối với nhân viên: Tôn trọng ý kiến và đóng góp của mọi cá nhân trong tập thể. Haxaco hướng đến xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và tập trung phát triển bản thân cho nhân sự công ty.

- Con người: Haxaco trân trọng đội ngũ nhân viên tận tâm, được đào tạo bài bản và chuyên sâu, bởi họ chính là nền tảng cho mọi thành công của doanh nghiệp.
- Uy tín: Haxaco nỗ lực duy trì và củng cố niềm tin của khách hàng, đối tác và cộng đồng bằng sự uy tín và trách nhiệm trong mọi hoạt động.
- Linh hoạt: Trong thị trường bán lẻ ô tô nhiều biến động khó đoán, Haxaco đề cao sự linh hoạt, thích nghi trong vận hành và xử lý tình huống, giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và giữ vị trí đứng đầu.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Giữ vững vị thế là nhà phân phối hàng đầu của Mercedes-Benz tại Việt Nam, duy trì thị phần và tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ cao cấp.
- Đẩy mạnh phân phối các dòng xe phân khúc phổ thông, đặc biệt là thương hiệu MG. Haxaco thực hiện việc này thông qua các công ty con để chiếm lĩnh thị phần và gia tăng độ phủ sóng.
- Theo dõi sát sao tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để kịp thời ứng phó với những biến động và tình huống bất ngờ, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tăng cường số hóa, quản trị hoạt động và vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với đối tác, ngân hàng chiến lược.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

➤ Tập trung vào thế mạnh chủ lực: Dồn nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi là phân phối ô tô và cung cấp các dịch vụ hậu mãi đi kèm.

➤ Mở rộng quy mô phân phối: Tăng cường phát triển và mở rộng hệ thống đại lý phân phối trên diện rộng.

➤ Đa dạng hóa hệ sinh thái kinh doanh: Mở rộng sang các mô hình và dịch vụ bổ trợ liên quan đến ô tô như kinh doanh vận tải và cho thuê xe để đa dạng hóa nguồn thu. Mặt khác, tăng cường tìm kiếm các cơ hội M&A, đầu tư vào những công ty cùng thuộc chuỗi giá trị để mở rộng dư địa tăng trưởng.

➤ Nâng cấp cơ sở vật chất: Thường xuyên đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị và hạ tầng nhằm tối ưu hóa chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả vận hành.

➤ hài hòa lợi ích các bên: Xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên việc đảm bảo quyền lợi cân bằng cho khách hàng, đối tác, cổ đông và người lao động.

➤ Trách nhiệm với con người và xã hội: Cam kết quản trị nhân sự hiệu quả, bảo vệ quyền lợi nhân viên, đồng thời đề cao ý thức và trách nhiệm đối với môi trường cũng như cộng đồng xã hội.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI MÔI TRƯỜNG



Hướng đến môi trường xanh: Haxaco hướng tới “Môi trường xanh” thông qua việc chuyển đổi danh mục sản phẩm và tối ưu hóa vận hành. Trong trung hạn, Haxaco thực hiện chiến lược mở rộng sang phân phối xe điện để bắt kịp xu hướng “giao thông xanh” và cam kết Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ. Về vận hành, Haxaco cam kết sử dụng hợp lý, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động tại các đại lý và xưởng dịch vụ. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ rác thải, khí thải từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.



Kết nối và nâng cao nhận thức: Haxaco luôn cố gắng kết nối và từng bước nâng cao nhận thức của nhân sự công ty về trách nhiệm của mỗi cá nhân với môi trường, cộng đồng và xã hội.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG



Haxaco cam kết tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nhân lực đi đôi với tinh thần trách nhiệm cao. Chúng tôi luôn tập trung xây dựng và cải thiện môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và duy trì những chính sách bảo vệ quyền lợi của nhân viên. Với bộ phận sửa chữa xe ô tô, thay thế phụ tùng, Haxaco cam kết duy trì điều kiện làm việc an toàn, tuân thủ đúng tiêu chuẩn và quy định.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG



Haxaco tiếp tục duy trì các hoạt động thiện nguyện thường niên, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và đóng góp vào cơ sở hạ tầng tại các địa phương nơi công ty hoạt động.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu vận động trong bối cảnh nhiều rủi ro đan xen từ lạm phát, biến động lãi suất và bất ổn địa chính trị. Đáng chú ý, các chính sách thuế quan mới từ các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, tỷ giá USD/VND chịu áp lực lớn, dự báo có thể chạm mức 26.000 VND/USD, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu.

Tại Việt Nam, mặc dù chịu tác động từ các lực cản bên ngoài, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn duy trì sự ổn định nhờ dòng vốn FDI giải ngân tích cực và thịnh vượng thương mại khả quan. Theo Tổng cục Thống kê, GDP ghi nhận tốc độ tăng trưởng đạt 8,02%, phản ánh sự nỗ lực của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới nhiều biến động. Đối với ngành ô tô, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia ghi nhận tỷ lệ sở hữu ô tô tại Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 63 xe/1.000 dân, cho thấy dư địa tăng trưởng dài hạn vẫn còn rất lớn so với các nước trong khu vực. Theo số liệu tổng hợp từ VAMA (Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam), VinFast và TC Motor, thị trường ô tô năm 2025 ghi nhận sự phục hồi về sản lượng với tổng doanh số toàn thị trường tăng trưởng khoảng 20% so với cùng kỳ. Dù sức mua chưa hoàn toàn bùng nổ, nhu cầu thị trường đã cải thiện so với các năm trước, tạo nền tảng thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh toàn ngành. Tuy vậy, nhóm xe sang phục hồi chậm hơn do người tiêu dùng vẫn duy trì tâm lý thận trọng trong việc chi tiêu cho các tài sản giá trị lớn.

Trong bối cảnh đó, Haxaco ghi nhận kết quả tích cực nhờ chiến lược dịch chuyển sang phân khúc xe phổ thông tầm trung với thương hiệu MG, phù hợp hơn với xu hướng tiêu dùng và khả năng chi trả của khách hàng. Công ty tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến thị trường để linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tận dụng đà phục hồi của kinh tế vĩ mô đồng thời kiểm soát rủi ro trong môi trường cạnh tranh. Trong bối cảnh thị trường phục hồi nhưng cạnh tranh ngày càng gay gắt, Haxaco tiếp tục tập trung vào phân khúc xe phổ thông tầm trung, đồng thời tối ưu chi phí vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ – hậu mãi để củng cố thị phần. Song song đó, Công ty chủ động theo dõi diễn biến vĩ mô và xu hướng tiêu dùng nhằm linh hoạt điều chỉnh chiến lược, đảm bảo tăng trưởng bền vững và kiểm soát rủi ro.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Haxaco là công ty cổ phần được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Vì thế, Haxaco chịu sự giám sát chặt chẽ và bắt buộc phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện về niêm yết cũng như nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan. Trong năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán. Theo đó, Haxaco luôn liên tục cập nhật các nội dung sửa đổi, lưu ý rõ thời điểm có hiệu lực, và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nội dung.

Hoạt động kinh doanh của Haxaco chịu sự điều tiết trực tiếp từ các chính sách thuế và khung pháp lý ngành ô tô. Trong năm 2025, công cụ thuế tiếp tục là phương thức điều tiết trọng yếu của Chính phủ nhằm thúc đẩy lộ trình điện hóa quốc gia và thực hiện cam kết Net Zero vào năm 2050. Cụ thể, ngành ô tô ghi nhận sự ban hành của một loạt chính sách mới như Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15, Nghị định 51/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ. Theo đó, các dòng xe động cơ

đốt trong có dung tích xi-lanh lớn phải đối mặt với mức thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) từ 90% đến 150%, tạo ra rào cản đáng kể về giá thành đối với phân khúc xe sang truyền thống. Ngược lại, xe điện chạy pin (BEV) được hưởng lợi thế cạnh tranh lớn nhờ mức thuế TTĐB ưu đãi 3% và chính sách miễn 100% lệ phí trước bạ kéo dài đến hết tháng 02/2027. Sự chênh lệch về chi phí sở hữu giữa “xe xanh” và xe xăng truyền thống đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc điều chỉnh cơ cấu danh mục sản phẩm để thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

Bên cạnh các yếu tố pháp lý trong ngành ô tô, hoạt động kinh doanh của Haxaco còn chịu tác động đáng kể từ các chính sách liên quan đến thị trường bất động sản, do Công ty phải duy trì mạng lưới phòng trưng bày và đại lý có quy mô lớn. Những thay đổi trong quy định về đất đai, quy hoạch, giá thuê hoặc điều kiện sử dụng mặt bằng có thể làm gia tăng chi phí thuê và chi phí vận hành, từ đó gây áp lực lên biên lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh môi trường chính sách và kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều biến động, việc theo dõi chặt chẽ diễn biến pháp lý và chủ động điều chỉnh kế hoạch vận hành là yếu tố then chốt để hạn chế rủi ro và đảm bảo ổn định hoạt động của Công ty.

CÁC RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường ô tô Việt Nam đang trải qua giai đoạn cạnh tranh gay gắt với sự đa dạng về nguồn gốc xuất xứ, phân khúc giá, tính năng kỹ thuật và các chính sách ưu đãi từ nhiều thương hiệu. Áp lực lên các doanh nghiệp trong ngành, bao gồm Haxaco, ngày càng gia tăng dưới tác động của hai yếu tố chính: vị thế vững chắc của các hãng xe lâu đời và sức hút từ cấu hình, công nghệ của các dòng xe mới, đặc biệt là sự trỗi dậy mạnh mẽ của phân khúc xe điện. Tình trạng dư thừa nguồn cung trên toàn thị trường buộc các hãng xe và đại lý triển khai diện rộng các chương trình giảm giá và khuyến mãi sâu. Hệ quả trực tiếp là biên lợi nhuận của Công ty bị thu hẹp đáng kể trong nỗ lực duy trì thị phần.

Trước bối cảnh này, Haxaco tập trung củng cố năng lực cạnh tranh thông qua đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuẩn hóa và tối ưu quy trình bán hàng, nâng cấp chất lượng dịch vụ và hậu mãi, đồng thời mở rộng hiện diện ở nhiều phân khúc nhằm bám sát nhu cầu thị trường và duy trì vị thế trong chuỗi giá trị ngành.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bước sang năm 2025, mặt bằng lãi suất trong nước duy trì ở mức thấp nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kích thích nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên, trong bối cảnh dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ không còn nhiều, lãi suất được đánh giá khó có thể tiếp tục giảm sâu và tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh tăng trở lại khi áp lực lạm phát, tỷ giá và nhu cầu tín dụng gia tăng. Do đó, môi trường lãi suất thấp hiện tại mang tính chu kỳ và có thể không bền vững trong trung hạn.

Đối với Haxaco, mặc dù mặt bằng lãi suất thấp giúp giảm áp lực chi phí vốn trong ngắn hạn, Công ty vẫn đối mặt với rủi ro lãi suất do đặc thù hoạt động kinh doanh phụ thuộc đáng kể vào nguồn vốn vay. Trong trường hợp lãi suất đảo chiều tăng hoặc các điều kiện tín dụng bị siết chặt hơn, chi phí tài chính có thể gia tăng, qua đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Haxaco sẽ tiếp tục theo dõi tình hình kinh tế, chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng cân đối kỳ hạn và lãi suất, tăng tỷ trọng vốn tự có và các khoản vay dài hạn ổn định nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực khi mặt bằng lãi suất đảo chiều trong trung hạn.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã nêu, Haxaco còn chịu tác động từ các rủi ro bất khả kháng như cháy nổ, dịch bệnh và thiên tai, có thể gây gián đoạn hoạt động và phát sinh chi phí ngoài kế hoạch. Do đó, Công ty duy trì cách tiếp cận chủ động trong công tác nhận diện, phòng ngừa và ứng phó nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

Để kiểm soát rủi ro vận hành, Haxaco thực hiện kiểm tra định kỳ cơ sở vật chất, tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án phòng ngừa thiên tai; đồng thời tổ chức huấn luyện, diễn tập để nâng cao năng lực phản ứng của nhân sự trước các tình huống khẩn cấp.

Bên cạnh đó, Công ty triển khai các chương trình bảo hiểm cho người lao động và bảo hiểm tài sản trên phạm vi toàn hệ thống, giúp Haxaco duy trì nguồn lực tài chính xử lý sự cố, giảm thiểu tổn thất phát sinh và góp phần đảm bảo tính liên tục, ổn định cho hoạt động kinh doanh.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



HOẠT ĐỘNG

KINH DOANH

NĂM 2025

Năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận sự phục hồi nhẹ nhưng chưa thực sự bứt phá do tâm lý thận trọng, thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng. Ngành ô tô đối mặt với tình trạng dư thừa nguồn cung lớn, dẫn đến cuộc cạnh tranh giá bán khốc liệt trên mọi phân khúc. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất tín dụng duy trì ở mức tương đối cao cùng điều kiện giải ngân thận trọng đã làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn vay mua xe của khách hàng. Khép lại năm 2025, mặc dù các chỉ tiêu kinh doanh sụt giảm so với mức nền cao của các năm trước, Haxaco vẫn nỗ lực duy trì kết quả kinh doanh dương với doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 4.651 tỷ đồng, giảm 15,65% cùng kỳ. Sự sụt giảm này không đồng đều giữa các mảng, trong đó mảng kinh doanh xe (chiếm gần 90% cơ cấu doanh thu) ghi nhận mức giảm khoảng 17%, trong khi doanh thu từ dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng có sự ổn định tốt hơn nhưng tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu vẫn còn hạn chế, chưa đủ để bù đắp sự sụt giảm từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Sự suy giảm doanh thu bán xe chủ yếu đến từ việc phân phối xe Mercedes-Benz. Theo đó, doanh thu của riêng công ty mẹ đạt hơn 2.400 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy phân khúc xe sang đang chịu áp lực kép: một mặt là sự sụt giảm nhu cầu do kinh tế khó khăn, mặt khác là sự cạnh tranh từ các dòng xe điện cao cấp có mức giá và chi phí vận hành hấp dẫn.

Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2025 đạt

4.651 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty năm 2025 đạt

56,034 TỶ ĐỒNG

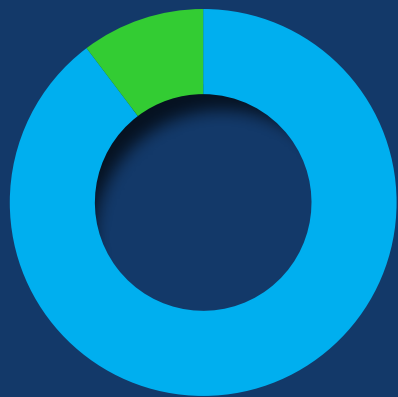


ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	% Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	5.513.287	4.650.582	-15,65%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	177.991	(39.470)	-122,18%
3	Lợi nhuận trước thuế	258.357	56.034	-78,31%
4	Lợi nhuận sau thuế	203.570	39.084	-80,80%

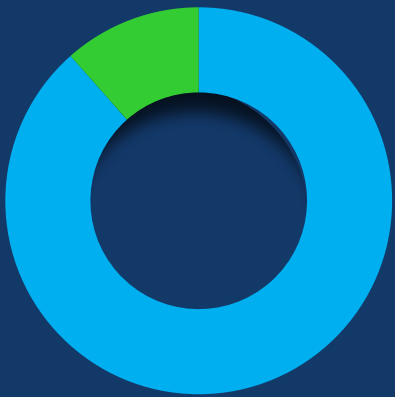


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Doanh thu kinh doanh xe Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2024



Doanh thu kinh doanh xe Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2025

4.651

TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NĂM 2025

39

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2024	Tỷ trọng 2024	TH 2025	Tỷ trọng 2025	% Tăng/Giảm
1	Doanh thu kinh doanh xe	4.945.304	89,70%	4.114.081	88,46%	-16,81%
2	Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	567.983	10,30%	536.501	11,54%	-5,54%
Doanh thu thuần		5.513.287	100,00%	4.650.582	100,00%	-15,65%

Dưới tác động từ những thách thức chung của thị trường, lợi nhuận của Haxaco ghi nhận mức giảm mạnh. Để bảo vệ thị phần và duy trì vị thế cạnh tranh, Công ty đã quyết liệt triển khai các chương trình ưu đãi giảm giá sâu kết hợp cùng dịch vụ hậu mãi cao cấp. Chiến lược này đã phát huy hiệu quả rõ rệt khi đến Quý 4/2025, phần lớn lượng xe tồn kho từ giai đoạn 2022-2023 đã được giải phóng hoàn toàn, tạo dư địa sẵn sàng cho chu kỳ kinh doanh mới với các dòng xe đời 2025-2026. Để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh, dư nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Haxaco tính đến cuối năm 2025 đã tăng mạnh lên mức 950,6 tỷ đồng, tăng gần 42% so với cùng kỳ, theo đó chi phí lãi vay trong năm 2025 cũng tăng tương ứng (+64,34% cùng kỳ). Ở một khía cạnh khác, chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận tăng hơn 32% cùng kỳ, phần nào tác động đến sự sụt giảm lợi nhuận, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc đầu tư mở rộng hệ thống phân phối MG (với đại lý, nhiều showroom chuẩn 3S Premium) cũng như tuyển dụng lượng lớn nhân sự tại các đại lý này. Đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung là khoản lợi nhuận khác đạt 95,5 tỷ đồng (tăng 18,84% so với cùng kỳ), chủ yếu đến từ hoạt động thanh lý tài sản, chính sách hỗ trợ của đơn vị cung cấp và hoàn nhập các khoản dự phòng. Những kết quả đạt được trong bối cảnh thị trường khó khăn là minh chứng cho sự nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên Haxaco trước những biến động khó lường.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

(Tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Ngày 15/03/2025, Hội đồng quản trị thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đối với ông Trần Văn Mỹ.



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

01 Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nơi sinh: Bến Tre
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- **Quá trình công tác:**
- 2000 - 2006: Trưởng phòng Chăm sóc Khách hàng Công ty TNHH Saigon Ô tô.
 - 2007 - 2015: Trưởng phòng cấp cao Quản lý và Phát triển đại lý Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam.
 - 2015 - 2017: Trưởng phòng cấp cao Phòng Kinh doanh xe Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam.
 - 2017 - 01/10/2018: Giám đốc Đại lý Haxaco Điện Biên Phủ CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
 - 02/10/2018 - 02/04/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
 - 02/04/2021 - 23/03/2024: Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
 - 23/03/2024 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

■ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.**
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 28/01/2026: 25.018 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,02 % VDL.
Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/01/2026 của những người có liên quan: Không có.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRẦN QUỐC HẢI

02 Ông TRẦN QUỐC HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Nơi sinh: Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

■ **Quá trình công tác:**

- 05/1999 - 02/2000: Kỹ thuật viên tại Công ty CCL Sài Gòn.
- 02/2000 - 9/2000: Nhân viên kinh doanh Công ty FIMEXCO.
- 09/2000 - 06/2005: Cố vấn Dịch vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 06/2005 - 12/2006: Phó phòng Dịch vụ Công ty Cổ phần Ô tô Hàng Xanh.
- 12/2006 - 08/2011: Trưởng phòng Dịch vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 08/2011 - 10/2013: Giám đốc Dịch vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 10/2013 - 04/2016: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh Võ Văn Kiệt kiêm Giám đốc Dịch vụ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 04/2016 - 03/2025: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 03/2025 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

■ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- TV HĐQT Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ;
- TV HĐQT kiêm TGD Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô An Thái.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 28/01/2026: 738.680 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,69% VDL.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/01/2026 của những người có liên quan: Nguyễn Thị Ngân Hà (Vợ) - nắm giữ 288.420 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,27 % VDL.



Bà NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

03 Bà NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Nơi sinh: TP HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

■ **Quá trình công tác:**

- 2017 - 2020: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.
- 2020 - nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

■ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- TV HĐQT Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây;
- TV HĐQT Công ty CP Ô tô An Thái.
- TV HĐQT Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 28/01/2026: 5.406 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,01 % VDL.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/01/2026 của những người có liên quan: Không có.

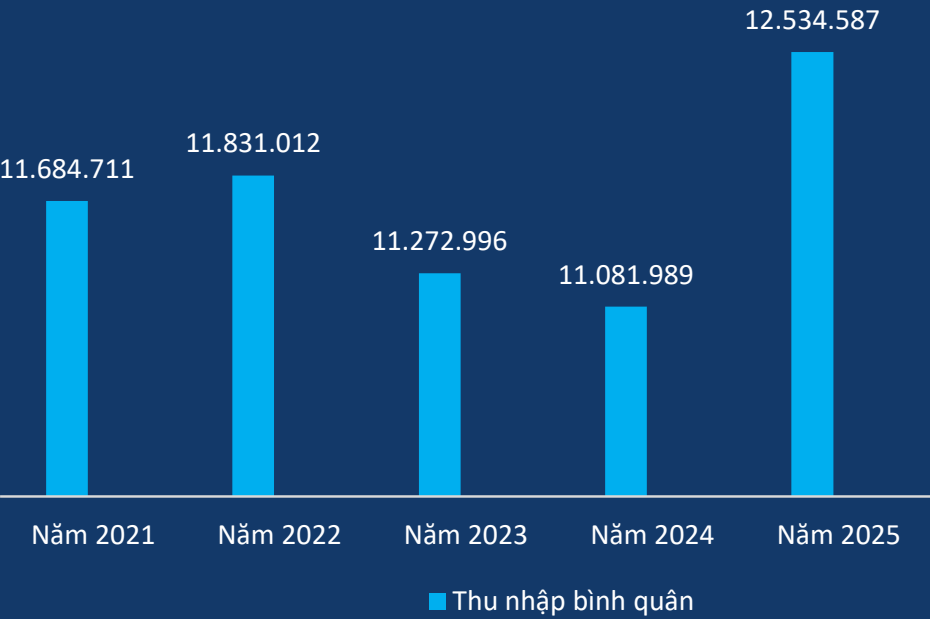
TỔ CHỨC NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Chỉ tiêu- Công ty mẹ	2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	1280	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	596	46,56%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	295	23,05%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	135	10,55%
4	Lao động phổ thông	254	19,84%
II	Theo giới tính	1280	100,00%
1	Nam	879	68,67%
2	Nữ	401	31,33%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	1280	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	220	17,19%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	788	61,56%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	272	21,25%
TỔNG CỘNG		1280	100,00%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.684.711	11.831.012	11.272.996	11.081.989	12.534.587



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng: Nhận thức rõ vai trò của người lao động trong tổ chức, Haxaco xây dựng chính sách tuyển dụng bài bản, rõ ràng và chuyên nghiệp. Công ty công bố đầy đủ tiêu chí tuyển dụng và quyền lợi của từng vị trí, nhằm lựa chọn ứng viên phù hợp và có chất lượng. Thông tin tuyển dụng được đăng tải công khai trên website Công ty, các kênh tuyển dụng và mạng xã hội, góp phần nâng cao nhận diện thương hiệu và mở rộng nguồn ứng viên. Quy trình tuyển dụng được tổ chức linh hoạt, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, khách quan và công bằng. Tính đến năm 2025, Haxaco Group đang đồng hành cùng 1.280 người lao động.

Về lương thưởng, phúc lợi, và đãi ngộ: Căn cứ Nghị định 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (hiệu lực từ 01/01/2026), Công ty thực hiện chi trả lương theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo công bằng và minh bạch trong xây dựng chính sách tiền lương. Haxaco áp dụng lộ trình tăng lương phù hợp, cơ chế trả lương theo hiệu quả công việc và chính sách thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất và tạo động lực làm việc. Theo thống kê, thu nhập bình quân năm 2025 đạt 12,5 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, Công ty duy trì các chế độ phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ và tổ chức hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động (văn nghệ, thể dục – thể thao,...).

Môi trường công việc và chế độ việc làm: Haxaco đặt mục tiêu hàng đầu vào việc duy trì sự đồng bộ giữa ba yếu tố cốt lõi: “An toàn lao động – Dụng cụ lao động – Môi trường lao động”. Để hiện thực hóa định hướng này, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ và cung cấp hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc của nhân sự. Bên cạnh đó, môi trường làm việc tại hệ thống showroom và xưởng dịch vụ luôn được đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Song song với việc đảm bảo điều kiện làm việc, Haxaco cam kết thực thi đầy đủ và minh bạch các chính sách theo Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội. Toàn bộ quy trình thiết lập hợp đồng lao động, chi trả Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế được thực hiện đúng quy định, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng hoàn thiện các chế độ phúc lợi dành riêng cho lao động nữ, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các chính sách thai sản và chăm sóc sức khỏe định kỳ, qua đó khẳng định nỗ lực của doanh nghiệp trong việc xây dựng môi trường làm việc bền vững.

Về đào tạo: Haxaco xác định đào tạo là một trong những nền tảng quan trọng để phát triển người lao động và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Theo đó, Công ty ưu tiên bồi dưỡng lực lượng nhân sự trẻ tiềm năng và đội ngũ cán bộ kế thừa nhằm xây dựng nguồn quản lý chất lượng. Các chương trình đào tạo được triển khai thường xuyên, kết hợp giữa đào tạo chuyên môn và kỹ năng mềm, giúp người lao động nâng cao năng lực, phát triển bản thân và sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong tương lai.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA HAXACO GROUP TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, Haxaco tiếp tục đẩy mạnh chiến lược mở rộng mạng lưới phân phối thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM. Cụ thể, hệ thống đại lý MG tiếp tục được phát triển với việc khai trương các cơ sở Premium tại Đà Nẵng, Ninh Bình, Vũng Tàu,... góp phần củng cố vị thế thương hiệu MG trong hệ sinh thái của Haxaco, đồng thời nâng cao năng lực phục vụ khách hàng trên phạm vi toàn quốc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ CẦN THƠ

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	%2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	70.352	88.120	79,84%
2	Doanh thu thuần	236.461	253.729	93,19%

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH VÀ DỊCH VỤ MIỀN TÂY

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	%2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	123.890	125.915	98,39%
2	Doanh thu thuần	235.483	316.252	74,46%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	%2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	668.540	575.850	116,10%
2	Doanh thu thuần	1.300.684	1.414.572	91,95%

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ AN THÁI

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	%2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	110.540	102.424	107,92%
2	Doanh thu thuần	522.193	444.398	117,51%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẤT VIỆT

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025				ĐVT: Triệu đồng
STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	%2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	10.538	11.321	93,09%
2	Doanh thu thuần	12.606	3.385	372,41%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.409.019	2.477.102	2,83%
2	Doanh thu thuần	5.513.287	4.650.582	-15,65%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	177.991	(39.470)	-122,18%
4	Lợi nhuận khác	80.366	95.504	18,84%
5	Lợi nhuận trước thuế	258.357	56.034	-78,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	203.570	39.084	-80,80%

Năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam phục hồi chậm do tâm lý thắt chặt chi tiêu và rào cản từ lãi suất cho vay cao, dẫn đến cuộc cạnh tranh giá bán khốc liệt trên mọi phân khúc. Trong bối cảnh đó, Haxaco ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.651 tỷ đồng (giảm 15,65% so với cùng kỳ), trong đó mảng kinh doanh xe Mercedes-Benz tại công ty mẹ chịu áp lực lớn nhất với mức giảm 22% do nhu cầu tiêu thụ xe sang sụt giảm trước những khó khăn chung của nền kinh tế.

Dù lợi nhuận sụt giảm mạnh, Công ty đã nỗ lực duy trì kết quả kinh doanh dương nhờ khoản lợi nhuận khác 95,5 tỷ đồng từ thanh lý tài sản và hoàn nhập dự phòng. Để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và duy trì vị thế cạnh tranh, Haxaco đã chủ động điều chỉnh cấu trúc vốn, khiến dư nợ vay ngắn hạn tăng lên 950,6 tỷ đồng (+42%). Những kết quả này là minh chứng cho sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể nhân viên trong việc linh hoạt thích ứng để bảo vệ thị phần và đảm bảo khả năng vận hành bền vững trước những biến động khó lường của thị trường.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu - Hợp nhất	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	1,79
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,71	0,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,12%	44,77%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	61,60%	81,06%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,37	4,06
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,50	1,90
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,69%	0,84%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,34%	2,73%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,22%	1,60%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,23%	-0,85%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Trong năm 2025, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Haxaco ghi nhận sự phân hóa mang tính chiến lược, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc duy trì nền tảng tài chính ổn định giữa bối cảnh thị trường biến động. Hệ số thanh toán ngắn hạn đã cải thiện tích cực từ 1,43 lần (năm 2024) lên mức 1,79 lần, khẳng định năng lực chi trả tổng quát của Công ty luôn được đảm bảo an toàn với nguồn tài sản ngắn hạn dồi dào. Mặc dù hệ số thanh toán nhanh có sự điều chỉnh xuống mức 0,47 lần do tỷ trọng hàng tồn kho tăng cao, song đây là kết quả của các động thái quản trị chủ động. Cụ thể, Công ty đã thực hiện kết chuyển khu đất chiến lược rộng 6.300m² tại đường Võ Văn Kiệt (trị giá hơn 542 tỷ đồng) vào danh mục hàng hóa bất động sản nhằm tối ưu hóa hoạt động chuyển nhượng và thu hồi dòng tiền.

Bước sang năm 2026, Haxaco định hướng tập trung đẩy mạnh công tác giải phóng tồn kho xe và hiện thực hóa các kế hoạch chuyển nhượng tài sản bất động sản. Những giải pháp quyết liệt này không chỉ giúp tái cấu trúc chất lượng tài sản mà còn được kỳ vọng sẽ gia tăng mạnh mẽ nguồn tiền mặt, đưa các hệ số thanh khoản nhanh về mức tối ưu và củng cố vị thế tài chính bền vững cho doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Haxaco ghi nhận sự dịch chuyển theo hướng gia tăng đòn bẩy tài chính nhằm thích ứng với điều kiện thị trường. Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng lên mức 44,77% (so với 38,12% năm 2024) và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 81,06% (so với 61,60% năm 2024). Sự gia tăng này nằm trong chiến lược quản trị dòng tiền chủ động, khi doanh nghiệp gia tăng dư nợ vay ngắn hạn lên hơn 950,6 tỷ đồng để tài trợ cho danh mục hàng tồn kho giá trị cao, bao gồm lượng xe dự trữ, chi phí mở rộng hệ thống đại lý MG và quỹ đất chiến lược tại Võ Văn Kiệt.

Mặc dù đòn bẩy tài chính gia tăng tạo áp lực lên chi phí lãi vay, cơ cấu vốn hiện tại vẫn nằm trong ngưỡng an toàn và đảm bảo tính tự chủ tài chính. Với hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì dưới mức 100%, nguồn vốn chủ sở hữu của Haxaco vẫn đủ năng lực bao quát toàn bộ các nghĩa vụ nợ, đảm bảo nền tảng vận hành vững chắc trong giai đoạn thị trường tạo đáy.

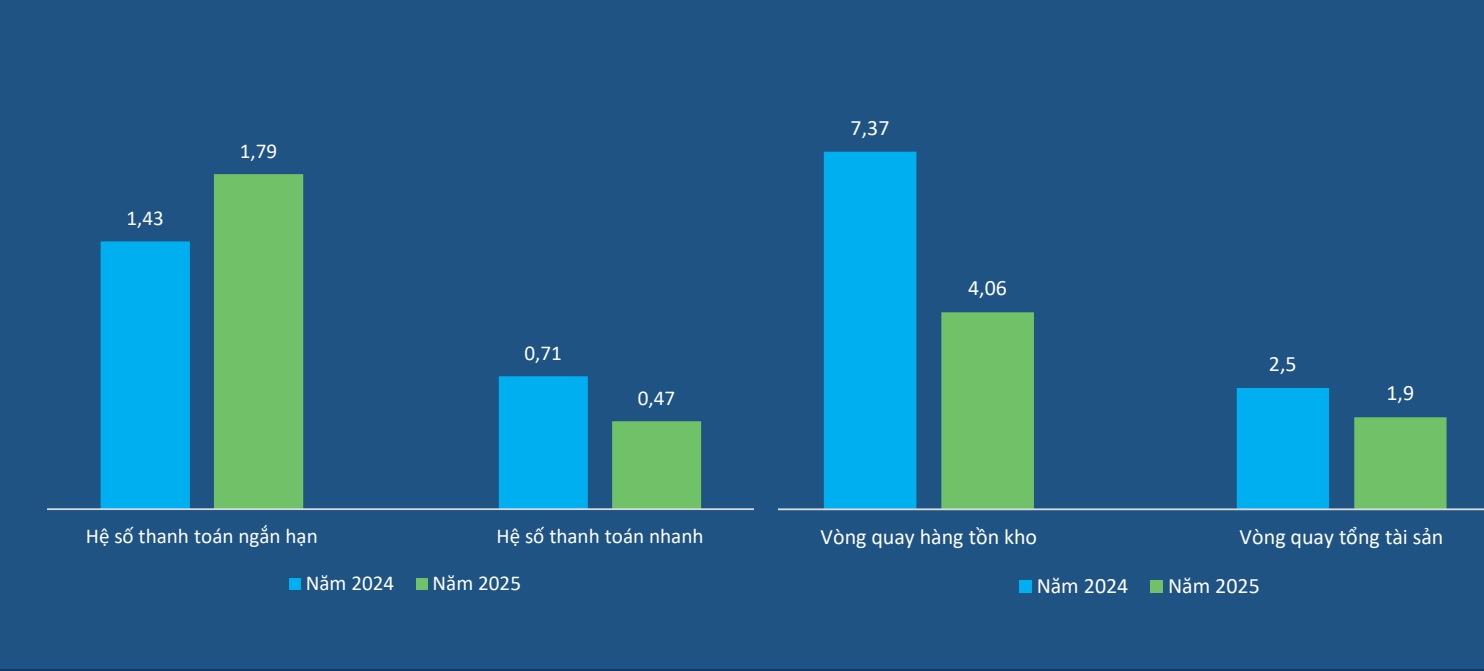
Hướng tới năm 2026, nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là tối ưu hóa cấu trúc vốn thông qua việc đẩy mạnh giải phóng hàng tồn kho và hiện thực hóa kế hoạch chuyển nhượng tài sản bất động sản. Dòng tiền thu hồi sẽ được

ưu tiên tất toán các khoản nợ vay, nhằm hạ nhiệt đòn bẩy tài chính, giảm thiểu chi phí lãi vay và trực tiếp gia tăng biên lợi nhuận ròng cho cổ đông.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Trong năm 2025, các chỉ số hiệu quả hoạt động của Haxaco ghi nhận sự điều chỉnh do tác động từ bối cảnh thị trường trầm lắng và các quyết định tái cấu trúc tài sản mang tính chiến lược. Hệ số vòng quay hàng tồn kho đạt 4,06 vòng và vòng quay tổng tài sản ở mức 1,90 lần, phản ánh việc tập trung nguồn lực vào các tài sản có giá trị lớn nhưng chưa đến kỳ thực hiện doanh thu. Một trong những nguyên nhân chính là quyết định chủ động kết chuyển khu đất 6.300m² tại Võ Văn Kiệt (trị giá hơn 542 tỷ đồng) sang danh mục hàng hóa bất động sản để sẵn sàng cho công tác chuyển nhượng, bên cạnh áp lực từ việc luân chuyển các dòng xe tồn kho trong giai đoạn sức mua suy giảm.

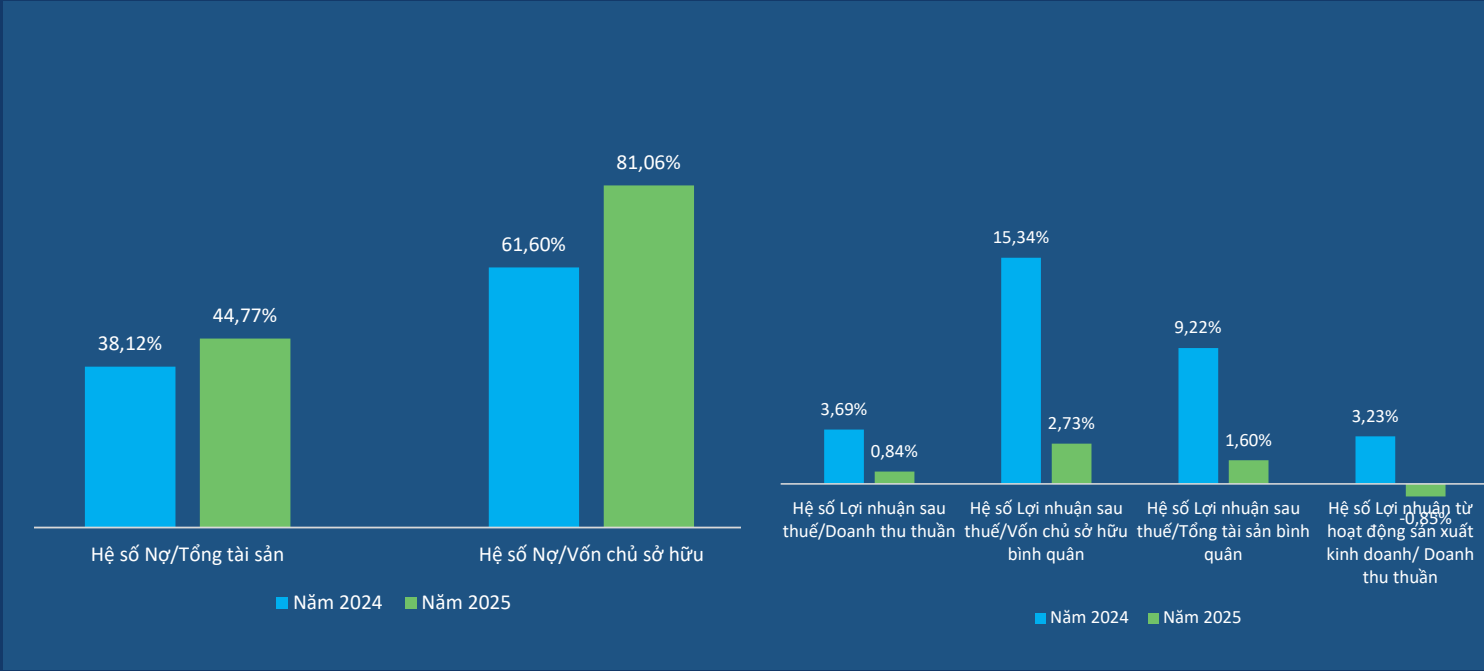
Tuy nhiên, đây là giai đoạn tích lũy cần thiết để doanh nghiệp tạo đà bứt phá khi thị trường phục hồi. Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp tối ưu hóa danh mục, trong đó lượng xe tồn kho đã cơ bản được giải phóng vào cuối năm 2025. Bước sang năm 2026, với lộ trình phân phối các dòng sản phẩm mới từ Mercedes-Benz, MG, VinFast và kế hoạch hiện thực hóa việc thanh lý quỹ đất chiến lược, Haxaco sẽ thúc đẩy mạnh mẽ tốc độ luân chuyển tài sản, sớm đưa các chỉ số hiệu quả hoạt động trở lại ngưỡng tối ưu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Trong năm tài chính 2025, các chỉ số sinh lời của Haxaco ghi nhận sự điều chỉnh đáng kể, phản ánh những thách thức chung của thị trường ô tô và các quyết định tái cấu trúc mang tính chiến lược của doanh nghiệp. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm xuống mức -0,85% do Công ty chủ động điều chỉnh biên giá để ưu tiên giải phóng hàng tồn kho và gánh chịu chi phí vận hành tăng cao từ lộ trình mở rộng hệ thống đại lý MG. Mặc dù áp lực từ hoạt động cốt lõi rất lớn, Haxaco đã nỗ lực duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) ở mức dương 0,84% nhờ tối ưu hóa các khoản thu nhập khác. Tuy nhiên, do quy mô tài sản và hàng tồn kho tăng mạnh trong khi lợi nhuận bị thu hẹp, hiệu suất sinh lời trên tài sản (ROA) và vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt đạt 1,60% và 2,73%, thấp hơn so với kỳ vọng và kết quả của năm trước. Hướng tới năm 2026, Haxaco sẽ tối ưu hóa hiệu quả vận hành, tập trung cải thiện các biên lợi nhuận cốt lõi nhằm đưa các chỉ số ROS, ROA và ROE quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng tương xứng với quy mô và vị thế của doanh nghiệp.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

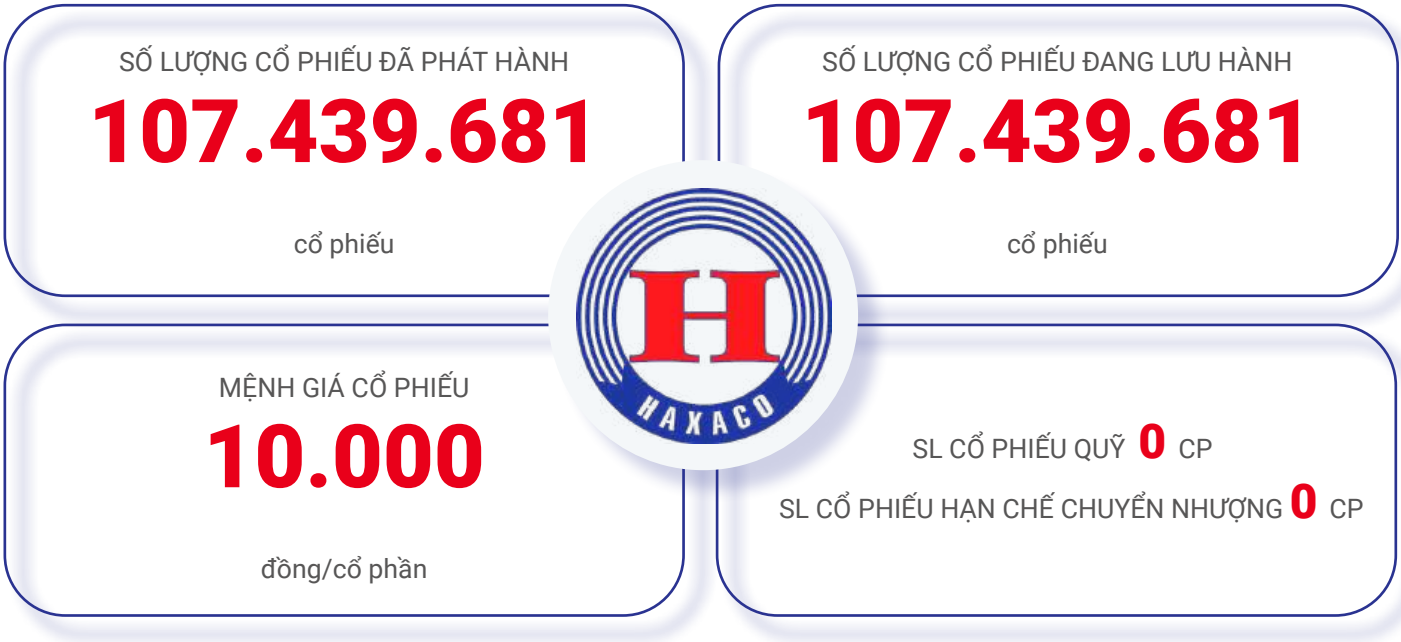
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 28/01/2026

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Số cổ phần (CP)
I	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	107.439.681	1.074.396.810.000	100%
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	36.516.247	365.162.470.000	33,99%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	70.923.434	709.234.340.000	66,01%
II	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
III	Cổ đông trong nước	99.977.352	999.773.520.000	93,05%
1	Cá nhân	96.261.405	962.614.050.000	89,60%
2	Tổ chức	3.715.947	37.159.470.000	3,46%
IV	Cổ đông nước ngoài	7.462.329	74.623.290.000	6,95%
1	Cá nhân	1.570.728	15.707.280.000	1,46%
2	Tổ chức	5.891.601	58.916.010.000	5,48%
Tổng cộng (III + IV)		107.439.681	1.074.396.810.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 28/01/2026

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Tiến Dũng	Số 7, ngõ 71, phố Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	18.672.888	17,38 %
2	Vũ Thị Hạnh	Số 7, ngõ 71, phố Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	17.843.359	16,61%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Ngày 01/06/2000, HAX chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức CTCP với vốn điều lệ 4.500.000.000 đồng
- Tháng 05/2001, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 4.750.390.895 đồng.
- Tháng 04/2003, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 5.055.186.970 đồng.
- Tháng 12/2003, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 11.250.000.000 đồng.
- Tháng 07/2005, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 12.375.000.000 đồng.
- Tháng 08/2005, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 16.257.300.000 đồng.
- Tháng 04/2008, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 43.312.110.000 đồng.
- Tháng 09/2009, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 80.558.460.000 đồng.
- Tháng 11/2011, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 111.161.690.000 đồng.
- Tháng 10/2016, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 142.315.340.000 đồng.
- Tháng 07/2017, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 233.424.330.000 đồng.
- Tháng 07/2018, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 350.133.990.000 đồng.
- Tháng 08/2019, Haxaco tăng vốn điều lệ lên 367.443.990.000 đồng.
- Tháng 06/2021, Haxaco công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19/NQ-HĐQT-HAX về việc tăng vốn điều lệ Haxaco do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Công ty phát hành 11.022.583 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 477.669.820.000 đồng.
- Tháng 11/2021, Haxaco công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 32/NQ-HĐQT-HAX về thay đổi vốn điều lệ do tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Công ty phát hành 350.000 cổ phiếu thưởng cho Ban điều hành và 1.400.000 cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ lên 495.169.820.000 đồng.
- Tháng 07/2022, Haxaco công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ-HĐQT-HAX thông qua việc tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành 7.426.452 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021. Vốn điều lệ đạt 569.434.340.000 đồng.
- Tháng 03/2023, Haxaco hoàn tất phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu phát hành với tỷ lệ chuyển đổi 12:100, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 719.434.340.000 đồng.
- Tháng 07/2023, Haxaco báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ tăng thêm 179.841.310.000 đồng, với tổng giá trị vốn điều lệ là 899.275.650.000 đồng.
- Tháng 10/2023, Haxaco hoàn tất phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) với tổng số lượng phát hành là 3.500.000 cổ phiếu, đưa tổng vốn điều lệ lên 934.275.650.000 đồng.
- Tháng 21/05/2024, Haxaco công bố thông tin về Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT-HAX thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành 14.012.116 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ đạt 1.074.396.810.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: không có
CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty đã triển khai và cải thiện các quy trình nhằm tối ưu hóa hoạt động kinh doanh để thân thiện hơn với môi trường và xây dựng một không gian làm việc an toàn, truyền cảm hứng cho đội ngũ nhân sự. Với Công ty, phát triển không chỉ là những con số, mà còn là trách nhiệm kiến tạo giá trị tốt đẹp cho cộng đồng và xã hội.

- **Tác động lên môi trường**
- **Tiêu thụ nước**
- **Tiêu thụ năng lượng**
- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**
- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**
- **Báo cáo trách nhiệm với cộng đồng địa phương**
- **Chính sách liên quan đến người lao động**
- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu trở thành thách thức mang tính toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đã cụ thể hóa cam kết tại COP26 thông qua Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Chiến lược Quốc gia về Biến đổi Khí hậu, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050. Nhận thức rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong lộ trình này, Haxaco cam kết tuân thủ tuyệt đối hệ thống pháp luật về môi trường, đồng thời tích hợp các tiêu chuẩn phát triển bền vững vào quy trình vận hành kinh doanh.

Haxaco cam kết tuân thủ các quy định liên quan đến biến đổi khí hậu và từng bước hướng hoạt động sản xuất – kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Với đặc thù hoạt động thương mại và dịch vụ ô tô, các mảng kinh doanh của Công ty nhìn chung không phát sinh tác động môi trường đáng kể, ngoại trừ một số hoạt động dịch vụ như bảo dưỡng và chạy thử xe. Để hạn chế phát thải, Haxaco đẩy mạnh thay thế, chuyển đổi sang sử dụng máy móc, thiết bị thân thiện với môi trường; đồng thời theo dõi và kiểm soát phát thải để kịp thời triển khai các biện pháp khắc phục khi cần thiết. Trong những năm qua, Công ty không ghi nhận vi phạm liên quan đến xả thải gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.

TIÊU THỤ NƯỚC

Haxaco nhận thức rõ tầm quan trọng của tài nguyên nước và cam kết sử dụng nước một cách có trách nhiệm, hạn chế lãng phí trong mọi hoạt động. Công ty tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích người lao động thực hành tiết kiệm, sử dụng nước hiệu quả trong sinh hoạt và sản xuất. Để tăng cường hiệu quả sử dụng nước, Haxaco trang bị các thiết bị tiết kiệm nước như vòi nước và bồn cầu ngắt tự động. Đồng thời, hệ thống cấp – thoát nước được kiểm tra, vệ sinh và bảo trì định kỳ nhằm kịp thời phát hiện rò rỉ, giảm thất thoát và tối ưu chi phí. Năm 2025, Công ty ghi nhận tổng lượng nước tiêu thụ 36.434 m³.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Vấn đề năng lượng cũng là một vấn đề đang rất được Nhà nước quan tâm. Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 đã đặt ra mục tiêu tiết kiệm từ 5-7% tổng tiêu thụ năng lượng quốc gia giai đoạn 2019-2025 và 8-10% tổng tiêu thụ năng lượng quốc gia giai đoạn 2019-2030. Hưởng ứng tinh thần của quốc gia, Haxaco đã tiến hành nhiều hoạt động thiết thực nhằm tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất cũng như kinh doanh. Công ty đã tiến hành thay thế và sử dụng những thiết bị tiết kiệm năng lượng và bảo trì, vệ sinh thường xuyên các loại máy móc sản xuất, hệ thống điều hòa để tối ưu hóa công suất hoạt động. Haxaco cũng xây dựng văn hóa nội bộ hướng tới sử dụng năng lượng có trách nhiệm và bảo vệ môi trường bằng cách khuyến khích sử dụng các thiết bị điện một cách vừa đủ và hợp lý. Haxaco cũng tích cực hưởng ứng phong trào giờ Trái Đất. Trong năm 2025, năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp là 3.186.706 Kw.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Haxaco duy trì mức tồn kho nguyên vật liệu phù hợp nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu bảo dưỡng và sửa chữa xe. Chất lượng nguyên vật liệu được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của từng dòng xe theo quy định. Đồng thời, để tối ưu chi phí và hạn chế hao hụt, Công ty áp dụng các phương pháp quản lý hàng tồn kho hiệu quả như FIFO (nhập trước – xuất trước), nhằm giảm thiểu chi phí lưu kho và rủi ro tồn kho kéo dài.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh luôn tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (số 72/2020/QH14), đồng thời duy trì công tác quản lý môi trường theo đúng yêu cầu; đảm bảo không có bất cứ sai phạm về môi trường.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với tinh thần “phát triển gắn liền với cộng đồng”, Haxaco luôn nỗ lực đóng góp cho địa phương nơi Công ty hoạt động thông qua các chương trình hỗ trợ người dân khó khăn và các hoạt động an sinh xã hội. Song song đó, Công ty phối hợp cùng Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Trong năm 2025, Haxaco tiếp tục duy trì các hoạt động thiện nguyện như đóng góp kinh phí, thăm hỏi và hỗ trợ các hộ nghèo, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần sẻ chia.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN

ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN**

Trong những năm gần đây, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã tích cực thúc đẩy lộ trình phát triển thị trường vốn xanh, trọng tâm là khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp áp dụng bộ tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị doanh nghiệp). Đây được xác định là cơ chế then chốt nhằm tối ưu hóa khả năng thu hút dòng vốn đầu tư vào các dự án bền vững, đồng thời tạo tiền đề để doanh nghiệp chuyển dịch mô hình kinh doanh theo các chuẩn mực quốc tế. Thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và quản trị dữ liệu định lượng, doanh nghiệp có thể chuẩn hóa công tác lập báo cáo ESG, từ đó nhận diện rõ nét các cơ hội và thách thức trong chiến lược tăng trưởng xanh.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của xu thế này, Haxaco luôn chủ động cập nhật các khung pháp lý và chính sách mới từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Công ty thực hiện rà soát và điều chỉnh hệ thống quản trị nội bộ nhằm đảm bảo sự tương thích với các quy định hiện hành. Định hướng chiến lược của Haxaco là xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững toàn diện, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp trên thị trường vốn.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Haxaco luôn đề cao vai trò của người lao động đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách nhằm đảm bảo đầy đủ quyền lợi và tạo điều kiện để mỗi nhân sự phát triển.

- Chính sách đào tạo: Công ty tập trung bồi dưỡng lực lượng nhân sự trẻ tiềm năng và đội ngũ kế thừa, hướng đến xây dựng nguồn quản lý chất lượng cao. Haxaco thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, kết hợp giữa kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, giúp người lao động nâng cao năng lực, phát triển bản thân và sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong tương lai.

- Môi trường làm việc: Công ty đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ hỗ trợ theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả công

việc. Đồng thời, Haxaco tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động và xử lý tình huống khẩn cấp để tăng cường nhận thức và khả năng ứng phó cho người lao động.

- Chính sách lương, phúc lợi: Haxaco cam kết chi trả lương đúng quy định của Nhà nước; xây dựng lộ trình tăng lương và cơ chế lương thưởng rõ ràng, minh bạch. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao đời sống tinh thần thông qua các hoạt động nội bộ (ngày lễ, sinh nhật, thể dục – thể thao...). Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về hợp đồng lao động, BHXH, BHYT và đảm bảo các chính sách dành cho lao động nữ theo quy định (nghỉ thai sản, nghỉ khám thai...).



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025 là một năm kinh doanh có nhiều khó khăn và thách thức đối với ngành ô tô nói chung và Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh nói riêng. Thị trường ô tô Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự phục hồi nhẹ nhưng thiếu tính đột phá do tâm lý thận trọng từ phía người tiêu dùng. Môi trường kinh doanh chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt khi tình trạng dư cung kéo dài buộc các đơn vị phân phối phải triển khai diện rộng các chương trình ưu đãi và giảm giá bán, tạo lợi thế rõ rệt cho khách hàng. Trong xu hướng chuyển dịch năng lượng, xe điện và xe Hybrid tiếp tục tăng trưởng ổn định, trong đó dòng xe Hybrid được đánh giá là giải pháp chuyển đổi thực tiễn. Khách hàng ngày càng ưu tiên giá trị sử dụng thực tế, tập trung vào tổng chi phí lẫn bánh, chi phí vận hành và khả năng bảo toàn giá trị tài sản. Thực trạng này đặt các doanh nghiệp và hệ thống đại lý dưới áp lực lớn, đưa thị trường bước vào giai đoạn thanh lọc mạnh.

Trước những điều kiện bất lợi của thị trường, Ban lãnh đạo Haxaco đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng thận trọng, bám sát diễn biến thực tế và chủ động triển khai các giải pháp nhằm duy trì sự ổn định của hoạt động kinh doanh.

Trải qua một năm với nhiều thách thức, Haxaco đã ghi nhận lợi nhuận trước thuế tại báo cáo tài chính công ty mẹ đạt hơn 12 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 56 tỷ đồng. Mặc dù Công ty vẫn duy trì được kết quả kinh doanh dương, sản lượng xe phân phối giảm so với năm 2024, phản ánh rõ nét những khó khăn chung của thị trường ô tô Việt Nam trong năm 2025.



THUẬN LỢI

- Công ty tiếp tục giữ vai trò là đơn vị phân phối ủy quyền, chiếm tỷ trọng thị phần đáng kể đối với các thương hiệu Mercedes-Benz và MG tại thị trường Việt Nam, qua đó tạo nền tảng ổn định cho hoạt động kinh doanh.
- Hệ thống đại lý của Công ty được đầu tư và vận hành theo đúng các tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thể hiện sự phát triển tương đối đồng bộ và ổn định của hệ thống phân phối.
- Các đại lý của Công ty được bố trí tại các đô thị lớn trên cả nước, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận nhóm khách hàng mục tiêu đối với phân khúc xe sang và xe trung cấp.

KHÓ KHĂN

- Nền kinh tế trong năm 2025 tiếp tục đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng, áp lực lạm phát và xu hướng thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng, dẫn đến nhu cầu mua sắm ô tô sụt giảm đáng kể so với các năm trước.
- Mặt bằng lãi suất tín dụng vẫn duy trì ở mức tương đối cao, cùng với điều kiện giải ngân thận trọng của các tổ chức tín dụng, đã làm gia tăng chi phí tài chính và hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của người tiêu dùng, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu mua xe trả góp.
- Thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận sự gia tăng mạnh về số lượng thương hiệu, mẫu mã và chương trình bán hàng, trong đó các hãng và đại lý liên tục áp dụng chính sách giảm giá, khuyến mại trực tiếp và hỗ trợ tài chính, làm gia tăng áp lực cạnh tranh, thu hẹp biên lợi nhuận và đòi hỏi Công ty phải liên tục điều chỉnh chiến lược kinh doanh.

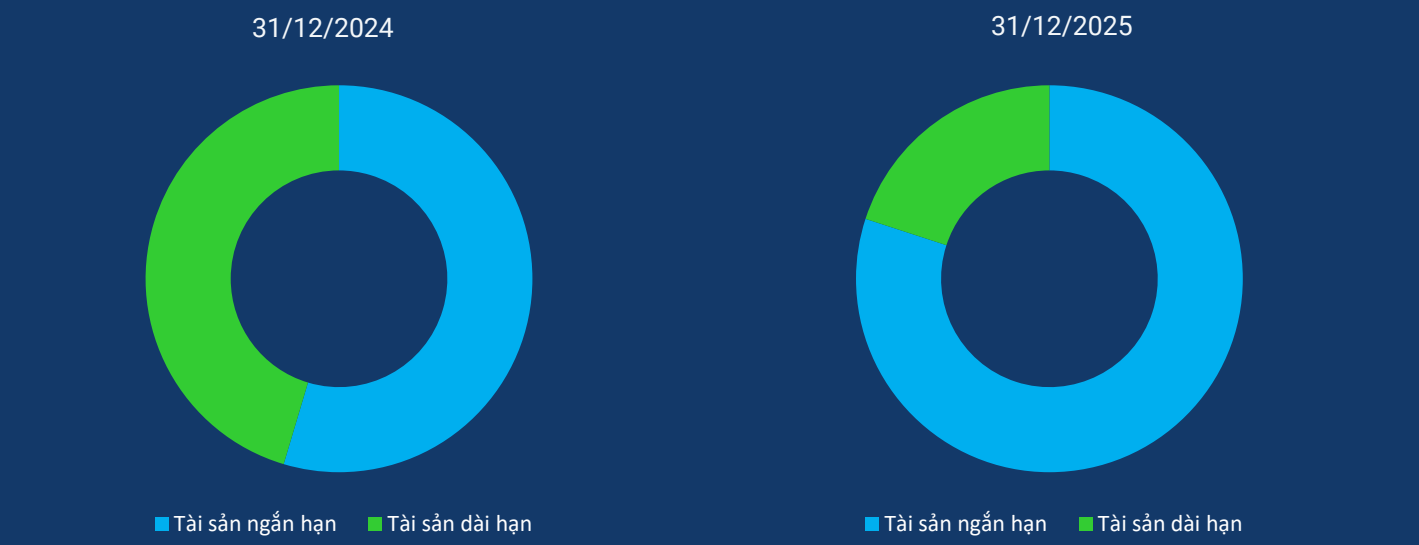


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2024		31/12/2025		% 2025/ 2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	1.315.736	54,62%	1.981.826	80,01%	150,62%
2	Tài sản dài hạn	1.093.282	45,38%	495.276	19,99%	45,30%
Tổng tài sản		2.409.019	100,00%	2.477.102	100,00%	102,83%



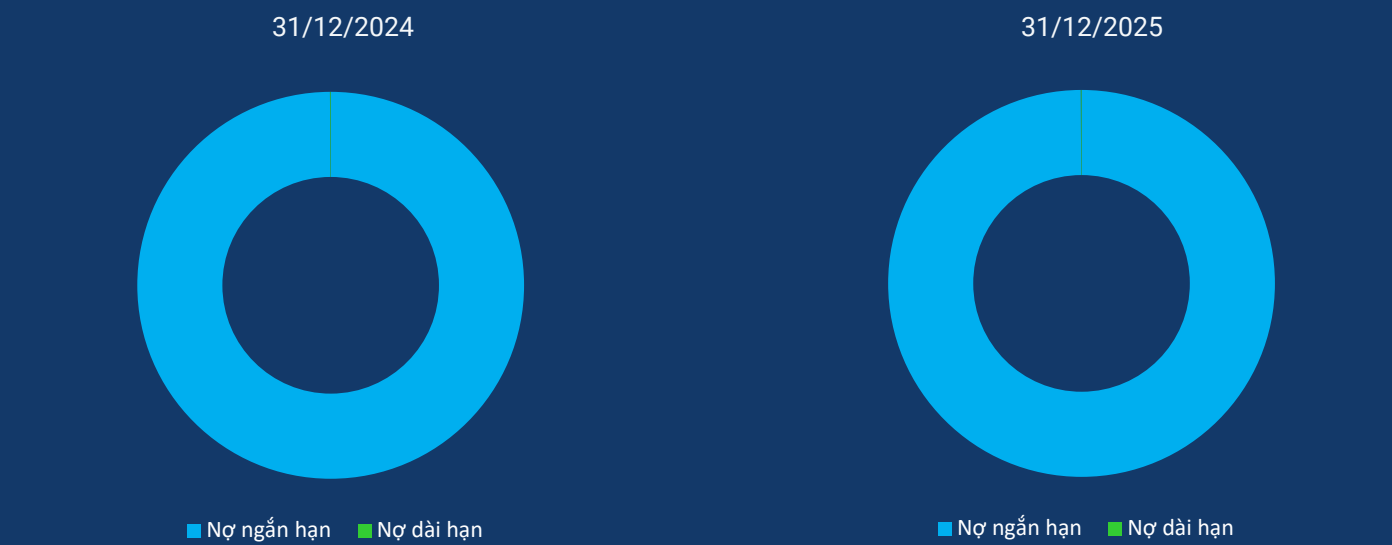
Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Haxaco đạt 2.477 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ 2,83% so với cùng kỳ năm 2024. Mặc dù quy mô tổng thể duy trì ổn định, cấu trúc tài sản đã ghi nhận sự dịch chuyển mang tính bước ngoặt, phản ánh rõ nét chiến lược tái cấu trúc của Công ty nhằm thích ứng với những thách thức của thị trường. Điểm nhấn quan trọng nhất là sự gia tăng đột biến của hàng tồn kho lên mức 1.457 tỷ đồng (tăng hơn 120%), chủ yếu do sức mua thị trường chung suy yếu và quyết định chủ động kết chuyển khu đất 6.300m² tại Võ Văn Kiệt (trị giá 542,2 tỷ đồng) từ khoản mục bất động sản đầu tư sang hàng hóa bất động sản (khoản mục “hàng tồn kho”) để sẵn sàng cho công tác chuyển nhượng. Hệ quả của việc tập trung nguồn lực vào danh mục hàng hóa và lộ trình mở rộng mạng lưới đại lý đã khiến lượng tiền mặt thu hẹp còn 93,4 tỷ đồng, trong khi các khoản phải thu ngắn hạn tăng nhẹ lên 353,5 tỷ đồng do Công ty linh hoạt nới lỏng chính sách tín dụng thương mại để kích cầu tiêu dùng.

Sự dịch chuyển này đã dẫn đến xu hướng “ngắn hạn hóa” cấu trúc tài sản khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng mạnh từ 54,62% lên mức 80,01%, trong khi tài sản dài hạn giảm tương ứng xuống còn 19,99%. Dưới góc nhìn quản trị, sự thay đổi này phản ánh đặc thù của doanh nghiệp thương mại phân phối khi nguồn lực tập trung tối đa cho việc luân chuyển hàng hóa. Mặc dù tính thanh khoản thực tế hiện đang tập trung tại khoản mục hàng tồn kho, Ban Điều hành xác định đây là trạng thái tích lũy nguồn lực chiến lược, tạo dư địa để chuyển hóa thành doanh thu và dòng tiền trong năm 2026. Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty thời gian tới là đẩy mạnh công tác bán hàng và hoàn tất chuyển nhượng quỹ đất Võ Văn Kiệt nhằm tái thiết lập bộ đệm tiền mặt vững chắc, tất toán các khoản nợ vay và tối ưu hóa tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2024		31/12/2025		% 2025/ 2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	917.737	99,94%	1.108.471	99,95%	120,78%
2	Nợ dài hạn	542	0,06%	547	0,05%	100,97%
Tổng nợ phải trả		918.279	100,00%	1.109.018	100,00%	120,77%



Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Haxaco đạt 1.109 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng gần 21% so với cùng kỳ. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ động thái chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính để bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho hàng tồn kho. Trong đó, khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đóng vai trò chủ chốt khi tăng lên mức 950,6 tỷ đồng (tăng 41,96% so với cùng kỳ), chiếm xấp xỉ 86% tổng nợ phải trả. Song song đó, các khoản mục như phải trả người bán và người mua trả tiền trước đều ghi nhận sự sụt giảm, lần lượt còn 61,2 tỷ đồng và 38,6 tỷ đồng, phản ánh chiến lược điều tiết nhịp độ nhập hàng, tập trung nguồn lực tối đa vào công tác giải phóng tồn kho hiện hữu thay vì gia tăng mua mới trong bối cảnh thị trường trầm lắng.

Cơ cấu nợ của Haxaco tiếp tục duy trì đặc thù ngắn hạn với tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm 99,95% tổng nợ phải trả. Mặc dù việc sử dụng vốn ngắn hạn để tài trợ tài sản ngắn hạn tuân thủ nguyên tắc tài chính cơ bản, Ban Điều hành đã chủ động nhận diện rủi ro thanh khoản khi nguồn vốn đang tập trung tại khoản mục hàng tồn kho và bất động sản chờ luân chuyển. Do đó, trọng tâm điều hành trong năm 2026 là giảm áp lực đòn bẩy tài chính thông qua việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi và hoàn tất chuyển nhượng quỹ đất Võ Văn Kiệt. Nguồn tiền thu hồi sẽ được ưu tiên tất toán các nghĩa vụ nợ nhằm tối ưu hóa chi phí lãi vay và đưa hệ số tài chính về ngưỡng an toàn bền vững.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Công ty điều hành linh hoạt để ổn định hệ thống, đồng thời đẩy mạnh chuẩn bị đội ngũ kế nhiệm và tái cấu trúc theo định hướng trở thành Tập đoàn. Trọng tâm triển khai:

- Chính sách: Ban Điều hành rà soát, cập nhật và hoàn thiện các chính sách quản trị nhân sự, tài chính và môi trường theo định hướng phát triển bền vững; chú trọng tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và tuân thủ pháp luật.
- Quản trị – vận hành: Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại; nâng cấp và tự động hóa các hệ thống quản lý tài chính, dự án và khách hàng nhằm giảm sai sót, nâng độ chính xác và tối ưu hiệu suất xử lý công việc.
- Đào tạo và phát triển: Công ty tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực đội ngũ, kết hợp phát triển kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm (lãnh đạo, giao tiếp, giải quyết vấn đề).
- Khuyến khích đổi mới, sáng tạo: Ban Điều hành xây dựng môi trường làm việc cởi mở, khuyến khích nhân sự đề xuất sáng kiến; duy trì các chương trình/cuộc thi đổi mới định kỳ để phát hiện, ươm tạo và phát triển các ý tưởng đột phá.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN NĂM 2026

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
Lợi nhuận trước thuế theo Báo cáo Hợp nhất của Công ty	Tỷ đồng	200

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2026

- Trước bối cảnh thị trường ô tô năm 2026 tiếp tục cạnh tranh gay gắt, nhu cầu tiêu dùng phục hồi có chọn lọc và áp lực chi phí còn hiện hữu, Công ty chủ động xây dựng các kế hoạch kinh doanh linh hoạt về chính sách bán hàng, giá bán và chiết khấu nhằm duy trì và củng cố thị phần. Đồng thời, Công ty tăng cường theo dõi, kiểm soát chặt chẽ để bảo đảm sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính.
- Công ty tiếp tục kiểm soát hợp lý đòn bẩy tài chính, tăng cường công tác quản trị rủi ro và xây dựng các kịch bản điều hành phù hợp với các biến động có thể phát sinh của thị trường, qua đó chủ động các giải pháp ứng phó, đặc biệt trong công tác quản lý chi phí và bảo đảm hiệu quả hoạt động.
- Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm; đồng thời kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm hỗ trợ mở rộng và phát triển hệ thống kinh doanh.
- Trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng hoạt động kinh doanh xe, nghiên cứu đa dạng hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ, đồng thời tập trung củng cố và phát triển hệ thống kinh doanh các thương hiệu Mercedes-Benz, MG cùng các lĩnh vực kinh doanh khác, nhằm nâng cao uy tín thương hiệu và sự tin tưởng của khách hàng.
- Công ty xác định quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững và toàn diện, trong đó ưu tiên bảo đảm việc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là công tác công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2026 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG:

Với Haxaco, bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ mà còn là cam kết xuyên suốt. Công ty triển khai nhiều hành động cụ thể, như: sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả; hình thành văn hóa tiết kiệm điện; hưởng ứng Giờ Trái Đất và nâng cao nhận thức nhân viên; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng; bảo trì tối ưu để giảm tiêu hao; tiết kiệm nước,...

Trong nhiều năm qua, Haxaco liên tục cải tiến để giảm tác động môi trường trong hoạt động sản xuất – vận hành. Từ các thay đổi nhỏ đến những kế hoạch dài hạn, Haxaco hướng đến mục tiêu phát triển xanh, góp phần xây dựng một Trái Đất sạch đẹp hơn.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Ban Tổng Giám đốc luôn coi người lao động là yếu tố then chốt tạo nên thành công và là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Haxaco. Công ty đặt người lao động ở vị trí trung tâm trong mọi hoạt động quản trị và vận hành, vì vậy luôn chú trọng xây dựng, rà soát và hoàn thiện các chính sách liên quan đến người lao động.

Trong thời gian qua, Haxaco đã đảm bảo công tác nhân sự cho hàng trăm người lao động với chế độ làm việc phù hợp, chính sách lương thưởng xứng đáng. Công tác tuyển dụng được duy trì theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch; đồng thời, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật lao động. Song song đó, Haxaco khuyến khích phát triển chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo nghiệp vụ vận hành và sửa chữa, trang bị cho người lao động kỹ năng xử lý các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong hoạt động kinh doanh. Công ty cũng xây dựng chính sách lương thưởng, phụ cấp linh hoạt theo từng bộ phận nhằm ghi nhận đóng góp và tạo động lực làm việc.

Bên cạnh chế độ đãi ngộ, Haxaco chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực, tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm, đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động thông qua trang bị bảo hộ và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ban Tổng Giám đốc tự hào về một tập thể vững mạnh, đội ngũ nhân sự gắn kết và đồng lòng vì mục tiêu phát triển của Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

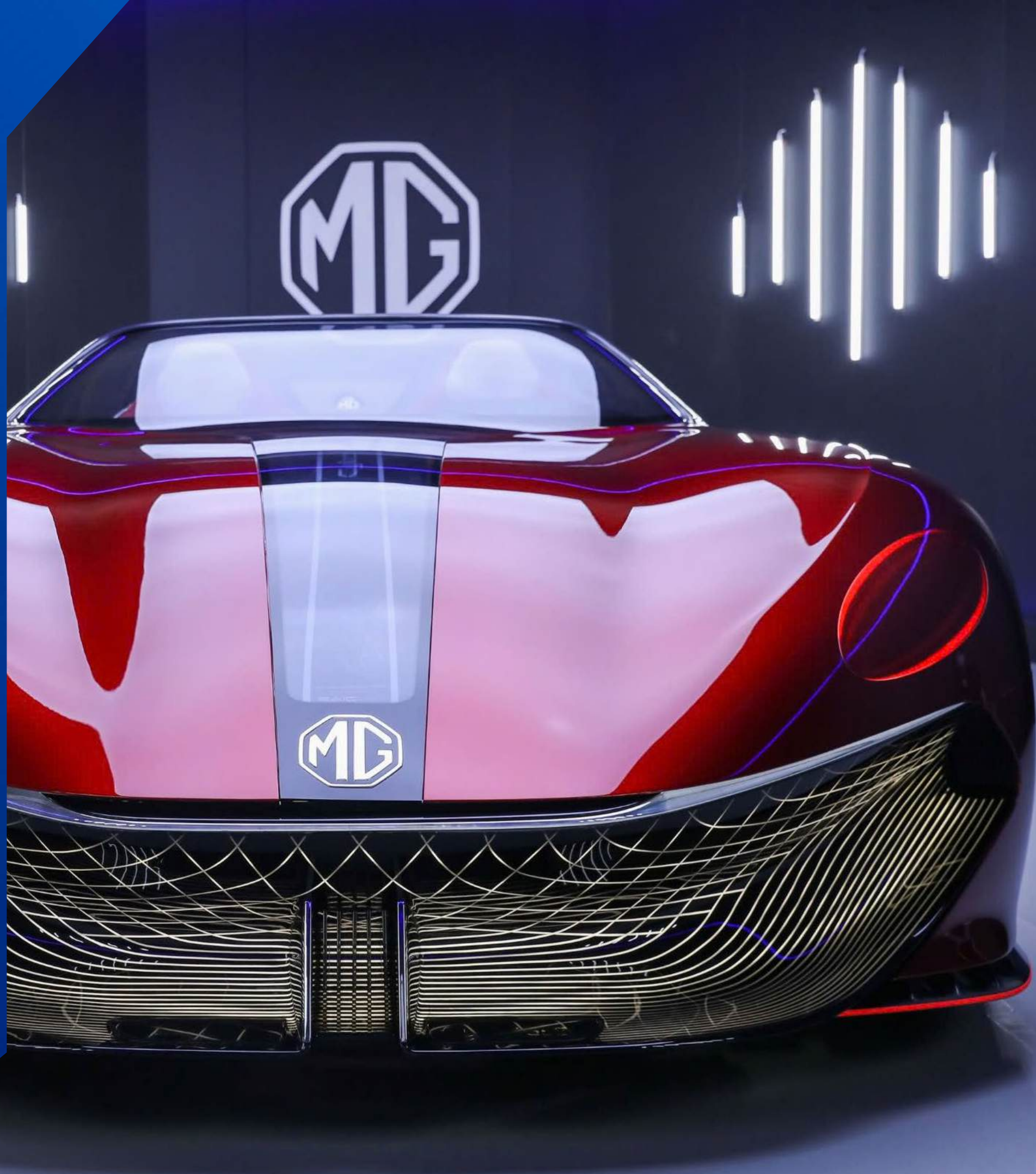
Sự gắn bó mật thiết giữa Haxaco và cộng đồng địa phương là nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty. Nhận thức rõ điều này, Haxaco luôn ưu tiên thực hiện các chính sách hỗ trợ và tích cực tham gia vào các hoạt động tương tác cộng đồng.

Công ty đặc biệt quan tâm đến những hoàn cảnh khó khăn, thường xuyên tổ chức các chương trình thiện nguyện như quyên góp, hoạt động tình nguyện và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu vực lân cận. Những nỗ lực này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân mà còn tạo ra một môi trường gắn kết, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Haxaco tin tưởng rằng sự đầu tư vào cộng đồng địa phương mang lại những giá trị lâu dài, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Đây không chỉ là cam kết trách nhiệm của công ty mà còn là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển toàn diện của Haxaco.

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2025, kinh tế thế giới và Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi, dù môi trường kinh doanh vẫn chịu tác động từ các biến động địa chính trị. Việc lạm phát dần được kiểm soát, cùng triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu được nhiều tổ chức uy tín dự báo ở mức tích cực, đã tạo thêm niềm tin cho thị trường.

Đối với ngành ô tô, thị trường ô tô Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự phục hồi nhưng chưa thực sự bứt phá do tâm lý thận trọng của người tiêu dùng. Mức độ cạnh tranh trên thị trường gay gắt do sự dư thừa cung ứng, dẫn đến việc giá bán giảm mạnh, kèm theo các chương trình khuyến mãi phong phú, tạo ra những lợi thế rõ rệt cho người tiêu dùng. Cạnh tranh gay gắt do dư cung lớn khiến giá bán giảm, kèm theo các chương trình khuyến mãi phong phú, tạo ra những lợi thế rõ rệt cho người tiêu dùng. Xe điện và hybrid ghi nhận mức tăng trưởng nhất định; tuy nhiên, chưa thể thay thế hoàn toàn xe xăng, trong đó xe hybrid được xem là một giải pháp thực tế hơn. Người tiêu dùng hiện nay ngày càng chú trọng vào giá trị sử dụng thực tế, với sự ưu tiên vào các yếu tố như giá lăn bánh, chi phí vận hành và khả năng giữ giá của xe. Trước bối cảnh này, các doanh nghiệp và đại lý ô tô đang phải đối mặt với áp lực lớn khi thị trường bước vào giai đoạn thanh lọc mạnh mẽ.

Trong bối cảnh ngành ô tô năm 2025 gặp nhiều khó khăn, các mảng kinh doanh xe Mercedes-Benz và xe MG của Haxaco chịu tác động tiêu cực từ thị trường, ghi nhận doanh thu thuần giảm 15,65% xuống còn 4.650 tỷ đồng. Mặc dù vậy, lợi nhuận từ các mảng này vẫn được duy trì ở mức tương đối so với mặt bằng chung, phản ánh những nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh. Nhờ đó, Haxaco vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan so với thị trường ô tô trong năm.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Nhận thấy tác động lớn của biến đổi khí hậu đến môi trường, đời sống và hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, Haxaco luôn ý thức rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân và tổ chức trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ nhận thức đó, Haxaco xác định các hoạt động bảo vệ môi trường phải song hành cùng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị luôn khuyến khích và đồng hành cùng Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các sáng kiến xanh vào thực tiễn hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, các chương trình về môi trường, trách nhiệm xã hội và cộng đồng đã được Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch và chiến lược cụ thể. Trước tiên, Hội đồng quản trị đặc biệt quan tâm đến việc quản lý và sử dụng tài nguyên theo hướng bền vững, đồng thời ghi nhận những nỗ lực của tập thể Haxaco trong việc tiết kiệm năng lượng, sử dụng nước hiệu quả. Không chỉ dừng lại ở hoạt động vận hành, Haxaco còn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với trách nhiệm môi trường, thông qua việc lan tỏa tinh thần sống xanh, giữ gìn môi trường làm việc sạch đẹp trong nội bộ Công ty.

Đối với nguồn nhân lực, Hội đồng quản trị luôn trân trọng và ghi nhận sự đồng hành của tập thể cán bộ nhân viên, đặc biệt trong những giai đoạn thị trường đầy biến động. Xác định người lao động là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển, Haxaco luôn ưu tiên đảm bảo các chế độ phúc lợi, chăm lo toàn diện đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ nhân sự.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Haxaco luôn ý thức rằng tăng trưởng lợi nhuận phải đi đôi với trách nhiệm xã hội. Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động đóng góp cho cộng đồng thông qua các chương trình thiện nguyện thường niên, hỗ trợ giáo dục và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Với những nỗ lực và đóng góp tích cực, Hội đồng quản trị tin rằng Haxaco sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp tiên phong trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, căn cứ Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành khác. Mục đích của việc giám sát này là đảm bảo rằng các quyết định và hành động được thực hiện phù hợp với chiến lược phát triển của công ty, đồng thời mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông. HĐQT đã thực hiện đánh giá định kỳ và đột xuất các báo cáo về hoạt động, tài chính cũng như các dự án đang triển khai. Qua quá trình giám sát, HĐQT đã nhận diện được những vấn đề tiềm ẩn và đề xuất các giải pháp kịp thời để khắc phục. Đồng thời, HĐQT cũng đã ghi nhận những nỗ lực và kết quả đạt được của Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác trong việc tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng bền vững. Kết quả giám sát năm 2025, HĐQT nhận định:

- HĐQT tin tưởng và đánh giá cao vào khả năng lãnh đạo và phẩm chất đạo đức Ban Tổng Giám đốc.
- Thích ứng với thị trường luôn biến động, linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra.
- Đảm bảo công khai, minh bạch, công bố thông tin kịp thời, chính xác.
- Thực hiện tốt các tiêu chuẩn quy định của Hãng đối với Đại lý.
- Năm 2025, tất cả hoạt động của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam.
- Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý đã rất cố gắng để tạo ra giá trị cao nhất cho công ty và cổ đông.



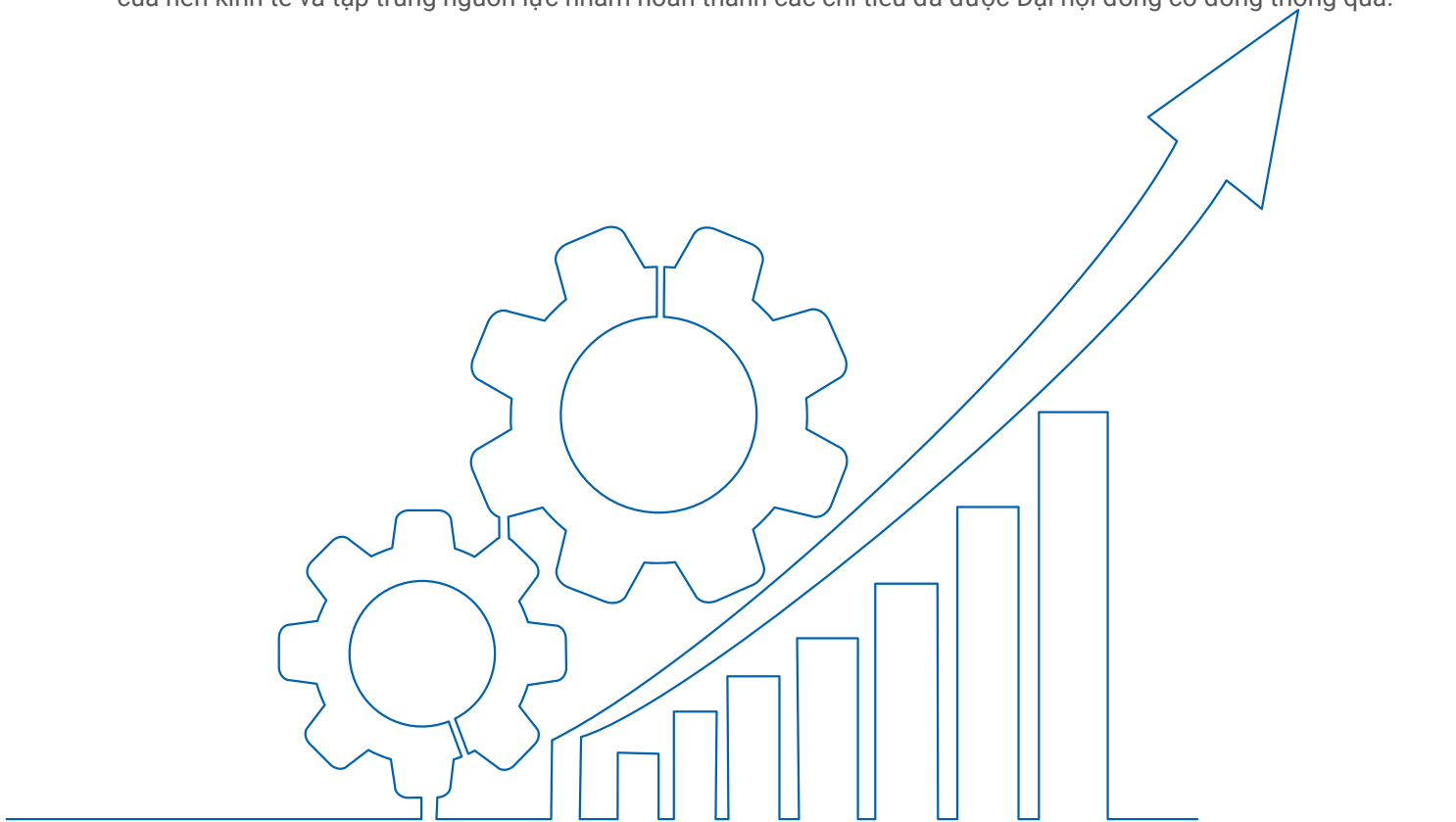
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN NĂM 2026

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
Lợi nhuận trước thuế theo Báo cáo Hợp nhất của Công ty	Tỷ đồng	200

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- Chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh linh hoạt, đặc biệt trong công tác cạnh tranh, chính sách giá và chiết khấu, nhằm duy trì và củng cố thị phần; đồng thời theo dõi, kiểm soát chặt chẽ để bảo đảm sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính của Công ty.
- Kiểm soát hợp lý đòn bẩy tài chính, tăng cường công tác quản trị rủi ro, xây dựng các kịch bản điều hành phù hợp với các tình huống có thể phát sinh; chủ động các giải pháp ứng phó, đặc biệt trong quản lý chi phí và bảo đảm hiệu quả hoạt động.
- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao; tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm hỗ trợ mở rộng và phát triển hệ thống.
- Tiếp tục triển khai mở rộng hoạt động kinh doanh xe, nghiên cứu đa dạng hóa danh mục sản phẩm; xây dựng chiến lược phát triển dài hạn và củng cố hình ảnh thương hiệu uy tín trên thị trường; tập trung phát triển hệ thống kinh doanh các thương hiệu MG, Mercedes-Benz, VinFast, hoạt động cho thuê xe và các lĩnh vực kinh doanh khác theo định hướng của Công ty.
- Định hướng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững và toàn diện; bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là công tác công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, bám sát diễn biến của nền kinh tế và tập trung nguồn lực nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ủy ban kiểm toán
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	18.672.888	17,38 %	
2	Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	17.843.359	16,61%	
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	29.512	0,03%	Bổ nhiệm ngày 15/03/2025
4	Ông Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	738.680	0,69%	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025
5	Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	25.018	0,02 %	

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 28/01/2026

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng chức danh TVHĐQT tại các công ty khác	Chức danh quản lý do từng TVHĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	2	- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây
2	Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	1	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	2	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM. - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
4	Ông Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3	- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô An Thái
5	Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
2	Bà Phạm Thị Thùy Nhi	Thành viên ban kiểm toán nội bộ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong bối cảnh thị trường ô tô cạnh tranh gay gắt và còn nhiều biến động, Hội đồng Quản trị đã tập trung vào công tác định hướng chiến lược, giám sát hoạt động điều hành, kịp thời xem xét và thông qua các chủ trương, giải pháp điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường, chú trọng kiểm soát chi phí, quản lý tồn kho và bảo đảm an toàn tài chính. Đồng thời, Hội đồng Quản trị tăng cường công tác quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, thực hiện công bố thông tin kịp thời, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông. Trên cơ sở các kết quả đạt được, Hội đồng Quản trị xác định tiếp tục nâng cao năng lực dự báo và định hướng chiến lược trung và dài hạn nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong các năm tiếp theo.

HĐQT duy trì họp định kỳ tối thiểu mỗi quý một lần theo Điều lệ, với sự tham dự của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận và quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền.

NÊU CỤ THỂ SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	23/23	100%	
2	Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	23/23	100%	
3	Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	16/16	100%	Bổ nhiệm ngày 15/03/2025
4	Ông Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	7/7	100%	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025
5	Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT độc lập	23/23	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	23/23	100%	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-HAX	22/01/2025	Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	100%
2	02/NQ-HĐQT-HAX	23/01/2025	Thông qua tái cấp hạn mức tín dụng vay vốn tại Vietcombank	100%
3	03/NQ-HĐQT-HAX	24/01/2025	Thông qua các giao dịch với Công ty con năm 2025	100%
4	04/NQ-HĐQT-HAX	10/02/2025	Thông qua dự thảo tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
5	05/NQ-HĐQT-HAX	12/02/2025	Thông qua đơn xin từ nhiệm TV HĐQT của Ông Trần Quốc Hải	100%
6	06/NQ-HĐQT-HAX	22/02/2025	Thông qua dự thảo tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	07/NQ-HĐQT-HAX	05/03/2025	Thông qua dự thảo tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
8	08/NQ-HĐQT-HAX	15/03/2025	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Trần Văn Mỹ	100%
9	09/NQ-HĐQT-HAX	26/03/2025	Thông qua thời gian dự kiến chi trả cổ tức năm 2024	100%
10	10/NQ-HĐQT-HAX	21/04/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chi trả cổ tức năm 2024	100%
11	11/NQ-HĐQT-HAX	05/05/2025	Thông qua góp vốn thêm để thực hiện quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu theo đợt chào bán và việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	100%
12	12/NQ-HĐQT-HAX	12/05/2025	Thông qua chủ trương lấy ý kiến bằng văn bản ĐHĐCĐ của HAX	100%
13	13/NQ-HĐQT-HAX	21/05/2025	Thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản	100%
14	14/NQ-HĐQT-HAX	27/05/2025	Thông qua tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản	100%
15	15/NQ-HĐQT-HAX	04/06/2025	Thông qua việc tái cấp hạn mức vay tại HSBC	100%
16	16/NQ-HĐQT-HAX	27/06/2025	Thông qua lựa chọn đơn vị và ký kết hợp đồng kiểm toán 2025	100%
17	17/NQ-HĐQT-HAX	08/07/2025	Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo hạn mức tín dụng trong vòng 12 tháng là 400 tỷ đồng, dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty và cam kết bảo lãnh để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán thay cho các Công ty con của Công ty	100%
18	18/NQ-HĐQT-HAX	14/07/2025	Thông qua lựa chọn Công ty Đấu giá Hợp danh Đấu giá Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức bán đấu giá công khai đối với lô đất Bất động sản tọa lạc tại đường Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	19/NQ-HĐQT-HAX	30/07/2025	Thông qua quyết định đóng cửa chi nhánh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100%
20	20/NQ-HĐQT-HAX	01/08/2025	Thông qua báo cáo kết quả tổ chức đấu giá đấu giá công khai đối với lô đất Bất động sản tọa lạc tại đường Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM.	100%
21	21/NQ-HĐQT-HAX	26/09/2025	Thông qua việc thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100%
22	22/NQ-HĐQT-HAX	01/12/2025	Thông qua nội dung thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ với Bên có liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá HĐQT năm 2025 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực quản trị và điều hành theo các chuẩn mực hiện đại, HĐQT Haxaco đã chủ động xây dựng lộ trình chuẩn hóa kỹ năng quản trị chuyên sâu. Mặc dù các thành viên HĐQT hiện tại đang trong quá trình kiện toàn các chứng chỉ đào tạo chuyên môn về quản trị công ty, doanh nghiệp đã thiết lập kế hoạch đào tạo cụ thể và sẽ sớm triển khai các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ trong thời gian tới. Việc chú trọng đầu tư vào công tác đào tạo này khẳng định cam kết của Haxaco trong việc không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động điều hành bền vững của Công ty.





ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

(Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trần Tiểu Mai	Chủ tịch	0	0%
2	Bà Vũ Thị Hạnh	Ủy viên	17.843.359	16,61%

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 28/01/2026

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN UBKT TRONG NĂM Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện các công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của HĐQT năm 2025. Triển khai thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty.
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của Ban Tổng Giám đốc. Trực tiếp và phối hợp với các bộ phận để kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, ngăn ngừa rủi ro.
- Đề xuất các biện pháp khắc phục những sai sót, rủi ro làm ảnh hưởng đến lợi ích Công ty.
- Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tới HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán tổ chức 04 cuộc họp nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể:

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Tiểu Mai	4/4	100%	100%	
2	Bà Vũ Thị Hạnh	4/4	100%	100%	



ỦY BAN KIỂM TOÁN

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY TRONG NĂM 2025

- HĐQT đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp HĐQT được thực hiện đầy đủ. Trong năm 2025, HĐQT bám sát định hướng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 đã đề ra và triển khai các Nghị quyết thực hiện. Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT.
- Ban điều hành đã tổ chức và thực hiện công tác điều hành Công ty tuân thủ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, Điều lệ, quy định và quy chế của Công ty.
- HĐQT và BĐH đều đảm bảo quyền lợi của cổ đông khi Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định pháp lý, hoàn thành việc trả cổ tức theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI HĐQT, TGD VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Ủy ban Kiểm toán phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Đặt lợi ích chung của Công ty và cổ đông làm trọng tâm.
- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ.
- Bảo đảm nguyên tắc tập trung – dân chủ; công khai và minh bạch trong hoạt động.
- Phối hợp với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và hợp tác; chủ động trao đổi, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai công việc.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và chuẩn hóa, nhằm kịp thời nhận diện rủi ro tiềm ẩn cũng như rủi ro phát sinh, từ đó chủ động triển khai biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025.

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)	Lương (đồng)
Hội đồng Quản trị				
1	Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.027.692.308	
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	227.692.308	
3	Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	190.769.231	
4	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT	36.923.077	
5	Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT	227.692.308	
6	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	227.692.308	
Ban Điều hành				
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc		1.300.000.000
2	Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc		910.000.000
3	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng		650.000.000

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025.

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương và Thù lao (đồng)
1	Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.237.692.308
2	Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	827.692.308
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.527.692.308
4	Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT (từ ngày 15/3/2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/3/2025)	1.480.769.231
5	Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT (đến ngày 15/3/2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2021)	946.923.077
6	Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT	227.692.308
7	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	830.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.475.018	1,37%	25.018	0,02%	Cơ cấu danh mục đầu tư
2	Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT	2.129.512	1,98%	29.512	0,03%	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Trần Quốc Hải	Phó TGD	1.238.680	1,15%	738.680	0,69%	Cơ cấu danh mục đầu tư
4	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	755.406	0,7%	5.406	0,01%	Cơ cấu danh mục đầu tư
5	Đỗ Ngọc Oanh	Chị ruột ông Đỗ Tiến Dũng	262.343	0,24%	2.343	0,002%	Cơ cấu danh mục đầu tư

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Cần Thơ	2025	NQ HĐQT số 03/NQ-HĐQT-HAX ngày 24/01/2025; 22/NQ-HĐQT-HAX ngày 01/12/2025	Chi phí dịch vụ khác: 3.369.770.933 VND
2	Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM	Công ty con	0101116000 cấp ngày 09/03/2001	Số 256 đường Kim Giang, phường Định Công, Hà Nội	2025	NQ HĐQT số 03/NQ-HĐQT-HAX ngày 24/01/2025; 22/NQ-HĐQT-HAX ngày 01/12/2025	+ Doanh thu bán xe, sửa chữa, cho thuê xe và khác: 10.304.436.915 VND + Chi phí thuê mặt bằng, vận chuyển và khác: 1.339.675.311 VND + Cổ tức được nhận: 16.517.960.000VND
3	Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Công ty con	0302365938, thay đổi lần thứ 13 ngày 31/05/2017	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành Phố Hồ Chí Minh	2025	NQ HĐQT số 03/NQ-HĐQT-HAX ngày 24/01/2025; 22/NQ-HĐQT-HAX ngày 01/12/2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 14.248.768 VND + Chi phí dịch vụ khác: 390.752.160 VND + Cổ tức được nhận : 2.872.557.000 VND

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT: Không có.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Công ty con	1800420206 cấp ngày 14/06/2001	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, Cần Thơ	2025	Chi phí dịch vụ khác: 3.369.770.933 VND
		Ông Trần Quốc Hải – HĐQT Ông Trần Văn Mỹ – HĐQT Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang – HĐQT				
2	Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ ô tô PTM	Công ty con	0101116000 cấp ngày 09/03/2001	Số 256 đường Kim Giang, phường Định Công, Hà Nội	2025	+ Doanh thu bán xe, sửa chữa, cho thuê xe và khác: 10.304.436.915 VND + Chi phí thuê mặt bằng, vận chuyển và khác: 1.339.675.311 VND + Cổ tức được nhận: 16.517.960.000VND
		Ông Đỗ Tiến Dũng – HĐQT Bà Vũ Thị Hạnh – HĐQT Ông Trần Văn Mỹ – TGD-HĐQT Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng – HĐQT				
3	Công ty Cổ Phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	Công ty con	0302365938, thay đổi lần thứ 13 ngày 31/05/2017	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành Phố Hồ Chí Minh	2025	+ Doanh thu sửa chữa và khác: 14.248.768 VND + Chi phí dịch vụ khác: 390.752.160 VND + Cổ tức được nhận: 2.872.557.000 VND
		Ông Đỗ Tiến Dũng – HĐQT. Ông Trần Quốc Hải – HĐQT - TGD Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng – HĐQT				

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Haxaco thực thi hệ thống quản trị doanh nghiệp dựa trên các thông lệ quốc tế dành cho công ty đại chúng, định hướng theo các chuẩn mực của Thẻ điểm G20/OECD và Thẻ điểm Quản trị công ty (QTCT) ASEAN. Hoạt động quản trị tại Công ty được đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống pháp luật hiện hành. Công tác công bố thông tin luôn được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời thông qua website chính thức, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin minh bạch cho cổ đông và các nhà đầu tư.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì chuẩn mực quản trị cao, hỗ trợ đắc lực cho công tác vận hành và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông cùng các bên liên quan. Haxaco đặc biệt chú trọng việc rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ, bao gồm: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cùng Quy chế công bố thông tin. Điểm nhấn trong nỗ lực minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp là việc Haxaco vinh dự được đề cử trong danh sách IR Awards 2025 – chương trình do Vietstock phối hợp cùng Hiệp hội Các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFF) và Tạp chí FiLi tổ chức. Bên cạnh đó, Công ty cũng vinh dự được tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh trong Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2025.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



Số 060205/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2026 (từ trang 08 đến trang 36), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất), chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 6307-2023-071-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.981.826.455.280	1.315.736.137.362
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	93.434.960.968	261.814.418.901
111	1. Tiền		91.434.960.968	151.814.418.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	11.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		353.532.347.950	340.315.148.631
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	193.398.574.633	123.622.147.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	8.665.232.824	77.822.172.290
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	152.478.312.628	139.880.601.115
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.457.135.245.689	660.820.663.188
141	1. Hàng tồn kho		1.462.587.657.271	666.273.074.770
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.452.411.582)	(5.452.411.582)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		66.723.900.673	49.785.906.642
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	12.164.874.339	12.462.167.972
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		53.350.891.529	37.203.973.611
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	1.208.134.805	119.765.059
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		495.276.013.789	1.093.282.427.954
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.556.938.612	6.235.488.612
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	2.475.438.612
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	4.081.500.000	3.760.050.000
220	II. Tài sản cố định		365.570.051.597	459.866.368.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	328.479.886.022	449.128.022.956
222	- Nguyên giá		537.908.755.779	637.849.733.342
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.428.869.757)	(188.721.710.386)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	37.090.165.575	10.738.346.004
228	- Nguyên giá		45.104.168.969	18.643.966.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.014.003.394)	(7.905.620.165)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	541.870.962.094
231	- Nguyên giá		-	541.870.962.094
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		30.485.766.400	1.859.329.476
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	30.485.766.400	1.859.329.476
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		92.663.257.180	83.450.278.812
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	20.835.075.345	30.609.135.931
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.600.081.992	3.678.349.010
269	3. Lợi thế thương mại	V.12	68.228.099.843	49.162.793.871
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.477.102.469.069	2.409.018.565.316

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.109.018.352.444	918.279.014.178
310	I. Nợ ngắn hạn		1.108.471.070.835	917.737.332.977
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	61.218.811.060	99.301.262.482
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	38.699.945.143	63.304.779.569
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	21.884.362.744	45.621.425.623
314	4. Phải trả người lao động		27.069.507.960	29.997.046.321
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.900.029.330	1.466.228.027
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	5.573.807.442	7.964.176.294
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	950.650.419.945	669.663.788.185
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		474.187.211	418.626.476
330	II. Nợ dài hạn		547.281.609	541.681.201
337	1. Phải trả dài hạn khác		200.000.000	200.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		347.281.609	341.681.201
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.368.084.116.625	1.490.739.551.138
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	1.368.084.116.625	1.490.739.551.138
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.212.954.658	128.999.588.778
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		19.593.573.325	4.026.364.667
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.619.381.333	124.973.224.111
429	4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		268.474.351.967	287.343.152.360
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.477.102.469.069	2.409.018.565.316

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ĐỖ TIẾN DŨNG

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.650.581.742.105	5.513.287.344.174
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.650.581.742.105	5.513.287.344.174
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	4.295.722.916.077	5.001.364.238.035
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		354.858.826.028	511.923.106.139
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.352.772.507	702.217.249
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	37.473.054.821	22.802.781.677
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		37.473.054.821	22.802.781.677
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	221.051.568.431	208.093.865.946
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	137.156.486.696	103.737.750.605
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.469.511.413)	177.990.925.160
31	12. Thu nhập khác	VI.7	97.838.988.179	80.731.448.183
32	13. Chi phí khác	VI.8	2.334.989.546	365.866.193
40	14. Lợi nhuận khác		95.503.998.633	80.365.581.990
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.034.487.220	258.356.507.150
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	16.866.849.000	56.813.711.223
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		83.867.426	(2.026.879.993)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.083.770.794	203.569.675.920
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5.619.381.333	124.973.224.111
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		33.464.389.461	78.596.451.809
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	29	1.163
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	29	1.163

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu
TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.15	56.034.487.220	258.356.507.150
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		92.449.241.405	70.700.944.875
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9;10;12	68.768.723.659	56.621.606.441
05	- Các khoản dự phòng	V.6;7	-	(939.731.605)
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3;7	(13.792.537.075)	(7.783.711.638)
07	- Chi phí lãi vay	VI.4	37.473.054.821	22.802.781.677
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		148.483.728.625	329.057.452.025
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(60.463.371.160)	(128.308.220.962)
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(209.353.841.000)	36.184.280.245
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(122.065.667.650)	191.749.306.794
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước		17.443.411.806	(22.802.879.251)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37.473.054.821)	(22.802.781.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(45.311.830.403)	(20.229.215.143)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.500.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(311.240.624.603)	362.847.942.031
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(254.797.021.596)	(367.201.945.096)
23	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7;8	253.550.499.999	209.651.653.092
24	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.000.000.000)	(3.000.000.000)
25	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	1.352.772.507	702.217.249
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.893.749.090)	(159.848.074.755)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay	V.18	3.960.706.578.569	4.139.566.420.693
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(3.679.719.946.809)	(4.169.455.096.837)
35	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(130.231.716.000)	(31.526.780.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		150.754.915.760	(61.415.456.644)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(168.379.457.933)	141.584.410.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	261.814.418.901	120.230.008.269
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	93.434.960.968	261.814.418.901

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
ĐỖ TIẾN DŨNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 05 công ty con (03 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp) (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh.);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đầu giá hàng hóa), (trừ các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Đại lý bảo hiểm (CPC 81401);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Sản lượng tiêu thụ xe giảm, làm cho doanh thu Tập đoàn năm nay giảm 15,65% so với năm trước. Trong khi, Tập đoàn tiếp tục mở rộng các địa điểm kinh doanh nhằm tìm kiếm nguồn khách hàng mới, điều này làm cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng 14,87% so với năm trước. Các yếu tố này đã làm cho Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay giảm 80,80% so với năm trước.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con trực tiếp)	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ	90,82%	85,89%	90,82%	85,89%	90,82%	85,89%
2.	Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con trực tiếp)	Số 256, đường Kim Giang, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	51,62%	51,62%	51,62%	51,62%	51,62%	51,62%
3.	Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (công ty con trực tiếp)	54 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
4.	Công ty CP Ô tô An Thái (công ty con gián tiếp)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	0,0%	0,0%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%
5.	Công ty CP Xây dựng và TM Đất Việt (công ty con gián tiếp)	Số 97 Ngô Quyền, phường Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng	0,0%	0,0%	99,33%	0,0%	51,27%	0,0%

(*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

(**) Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM chiếm 99,33% quyền biểu quyết tại Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đất Việt).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.280 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.514 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

11. Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: chủ yếu là sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	11.771.661.108	27.207.902.613
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.663.299.860	124.606.516.288
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	110.000.000.000
Cộng	93.434.960.968	261.814.418.901

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có thời hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng. Giá trị tiền gửi tiết kiệm cuối năm dùng để thế chấp cho các khoản vay là 11.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	193.398.574.633	123.622.147.361
- Các khách hàng mua xe, sửa xe	193.398.574.633	123.622.147.361
Cộng	193.398.574.633	123.622.147.361

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan	-	-
Trả trước ngắn hạn cho các người bán khác	8.665.232.824	77.822.172.290
- Công ty CP Xây lắp điện Công trình Thăng Long	5.001.000.001	26.456.345.601
- Trả trước cho các người bán khác	3.664.232.823	51.365.826.689
Cộng	8.665.232.824	77.822.172.290

5. Phải thu ngắn và dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn các bên khác	152.478.312.628	-	139.880.601.115	-
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	118.171.270.062	-	53.400.829.747	-
- Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (*)	19.818.926.878	-	70.786.859.378	-
- Công ty TNHH KD TM và DV Vinfast (*)	11.912.686.239	-	9.191.895.991	-
- Các đối tượng khác	2.575.429.449	-	6.501.015.999	-
Cộng	152.478.312.628	-	139.880.601.115	-

(*) Là phải thu về khoản chiết khấu, hỗ trợ được nhận từ các nhà cung cấp do Tập đoàn đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu dài hạn các bên khác	4.081.500.000	-	3.760.050.000	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ khác	4.081.500.000	-	3.760.050.000	-
Cộng	4.081.500.000	-	3.760.050.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng				
- Công ty CP Minh Thắng	447.577.960	(447.577.960)	447.577.960	(447.577.960)
- Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn	105.454.400	(105.454.400)	105.454.400	(105.454.400)
- Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	(45.350.000)	45.350.000	(45.350.000)
- Võ Thị Thu Phương	42.692.000	(42.692.000)	42.692.000	(42.692.000)
- Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.295	(35.045.295)	35.045.295	(35.045.295)
- Công ty TNHH XNK Vật tư Kỹ thuật	68.800.000	(68.800.000)	68.800.000	(68.800.000)
- Công ty Hợp doanh DMC-FER	53.650.000	(53.650.000)	53.650.000	(53.650.000)
- Công ty CP Sản xuất và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam TBI	41.987.000	(41.987.000)	41.987.000	(41.987.000)
- Các đối tượng khác	169.215.480	(169.215.480)	169.215.480	(169.215.480)
Cộng	1.009.772.135	(1.009.772.135)	1.009.772.135	(1.009.772.135)

Tình hình biến động trong năm:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(1.009.772.135)	(1.061.594.270)
- Dự phòng tăng trong năm	-	-
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	51.822.135
Số cuối năm	(1.009.772.135)	(1.009.772.135)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	65.984.357.037	(5.452.411.582)	76.688.374.226	(5.452.411.582)
- Công cụ, dụng cụ	311.102.397	-	806.052.088	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽²⁾	9.810.855.260	-	9.209.875.592	-
- Hàng đang đi đường	1.182.514.900	-	808.163.230	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	843.064.490.583	-	578.760.609.634	-
- Hàng hóa bất động sản ⁽⁴⁾	542.234.337.094	-	-	-
Cộng ^(*)	1.462.587.657.271	(5.452.411.582)	666.273.074.770	(5.452.411.582)

(*) Trong đó, giá trị hàng tồn kho cuối năm dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị cuối kỳ là 768.415.789.206 đồng (xem Thuyết minh V.18).

- (1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.
(2) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.
(3) Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô.
(4) Là các Quyền sử dụng đất tại đường Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh được trình bày từ bất động sản đầu tư sang, để triển khai cho mục đích bán theo Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-HĐQT-HAX ngày 14 tháng 07 năm 2025.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	1.299.423.994	2.443.241.284
- Phí bảo hiểm	1.243.655.355	928.046.460
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.621.794.990	9.090.880.228
Cộng	12.164.874.339	12.462.167.972

Tình hình biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	12.462.167.972	5.452.494.493
- Tăng trong năm	40.164.380.688	31.952.323.949
- Phân bổ trong năm	(40.461.674.321)	(24.942.650.470)
Số cuối năm	12.164.874.339	12.462.167.972

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	10.567.899.527	14.386.823.768
- Công cụ, dụng cụ đang dùng	7.132.990.211	7.682.250.248
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.134.185.607	8.540.061.915
Cộng	20.835.075.345	30.609.135.931

Tình hình biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	30.609.135.931	13.602.535.428
- Tăng trong năm	10.581.607.600	25.704.929.658
- Phân bổ trong năm	(20.355.668.186)	(8.698.329.155)
Số cuối năm	20.835.075.345	30.609.135.931

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	243.439.059.314	51.524.857.773	330.196.388.044	9.817.468.039	2.871.960.172	637.849.733.342
-Tăng trong năm	54.223.073.451	5.229.698.845	170.559.824.528	969.853.500	340.693.889	231.323.144.213
-Giảm trong năm	(24.696.189.929)	(6.908.516.270)	(297.278.190.425)	(1.827.673.165)	(553.551.987)	(331.264.121.776)
Số cuối năm	272.965.942.836	49.846.040.348	203.478.022.147	8.959.648.374	2.659.102.074	537.908.755.779
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	103.864.639.518	41.992.666.621	33.905.571.188	6.640.497.381	2.318.335.678	188.721.710.386
-Tăng trong năm	24.028.873.361	3.581.439.454	29.680.441.638	1.146.212.739	122.398.764	58.559.365.956
-Giảm trong năm	(1.364.965.784)	(4.424.588.013)	(30.666.356.233)	(1.247.575.455)	(148.721.100)	(37.852.206.585)
Số cuối năm	126.528.547.095	41.149.518.062	32.919.656.593	6.539.134.665	2.292.013.342	209.428.869.757
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	139.574.419.796	9.532.191.152	296.290.816.856	3.176.970.658	553.624.494	449.128.022.956
Số cuối năm	146.437.395.741	8.696.522.286	170.558.365.554	2.420.513.709	367.088.732	328.479.886.022

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 96.419.882.492 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay là 109.843.961.789 đồng (xem Thuyết minh V.18).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.997.549.369	18.643.966.169
-Tăng trong năm	26.460.202.800	-	-	26.460.202.800
-Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	35.309.039.600	2.797.580.000	6.997.549.369	45.104.168.969
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	960.502.437	6.945.117.728	7.905.620.165
-Khấu hao trong năm	-	55.951.588	52.431.641	108.383.229
-Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	1.016.454.025	6.997.549.369	8.014.003.394
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	1.837.077.563	52.431.641	10.738.346.004
Số cuối năm	35.309.039.600	1.781.125.975	-	37.090.165.575

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.262.749.889 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp các khoản vay là 10.629.962.767 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quyền sử dụng đất tại Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (*)	30.410.766.400	-
- Khác	75.000.000	1.859.329.476
Cộng	30.485.766.400	1.859.329.476

(*) Quyền sử dụng đất này đang hoàn tất các thủ tục để sang tên cho Công ty CP SX TM và DV Ô tô PTM (công ty con).

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	11.005.511.139	-	(6.288.863.508)	4.716.647.631
- Công ty CP Xe khách và DV Miền Tây	38.157.282.732	-	(4.769.660.342)	33.387.622.390
- Công ty CP Xây dựng và TM Đất Việt	-	30.339.950.014	(216.120.192)	30.123.829.822
Cộng	49.162.793.871	30.339.950.014	(11.274.644.042)	68.228.099.843

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	61.218.811.060	99.301.262.482
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam (*)	19.448.664.187	19.798.264.650
- Công ty TNHH SAIC Motor Việt Nam (*)	4.456.749.852	16.080.899.510
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast (*)	13.639.837.477	36.410.803.717
- Các nhà cung cấp khác	23.673.559.544	27.011.294.605
Cộng	61.218.811.060	99.301.262.482

Trong đó: số dư cuối kỳ phải trả người bán đã quá hạn thanh toán là 0 đồng.

(*) Là khoản phải trả về mua xe, phụ tùng nhãn hiệu Mercedes-Benz, MG, Vinfast.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	641.338.247	-	55.345.022.473	(51.496.092.308)	4.490.268.412	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.273.722.298	-	16.866.849.000	(45.311.830.403)	15.922.878.117	94.137.222
- Thuế thu nhập cá nhân	706.365.078	119.765.059	12.979.707.998	(12.115.598.227)	1.471.216.215	20.506.425
- Tiền thuê đất	-	-	3.383.517.359	(4.477.008.517)	-	1.093.491.158
- Khoản thuế khác	-	-	1.448.989.375	(1.448.989.375)	-	-
Cộng	45.621.425.623	119.765.059	90.024.086.205	(114.849.518.830)	21.884.362.744	1.208.134.805

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.034.487.220	258.356.507.150
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Chi phí không được trừ	15.846.888.259	3.696.031.548
+Phân bổ Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất	11.274.644.042	11.058.523.850
+Lỗ thu nhập chịu thuế trong năm của các công ty con	134.084.136	-
+Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	1.106.782.371	10.530.124.682
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+Các khoản khác phát sinh từ hợp nhất	-	-
Thu nhập chịu thuế	84.396.886.028	283.641.187.230
Lỗ thu nhập chịu thuế các kỳ trước của các công ty con được chuyển sang	610.488.331	-
Thu nhập tính thuế	83.786.397.697	283.641.187.230
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm	16.757.279.540	56.728.237.446
Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước	109.569.460	85.473.777
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	16.866.849.000	56.813.711.223

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Các đối tượng khác	2.900.029.330	1.466.228.027
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.900.029.330	1.466.228.027
Cộng	2.900.029.330	1.466.228.027

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.573.807.442	7.964.176.294
- Kinh phí công đoàn	507.939.230	21.842.500
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.065.868.212	7.942.333.794
Cộng	5.573.807.442	7.964.176.294

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	950.650.419.945	950.650.419.945	669.663.788.185	669.663.788.185
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	101.054.247.150	101.054.247.150	126.741.403.410	126.741.403.410
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽²⁾	364.588.754.815	364.588.754.815	151.952.228.504	151.952.228.504
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽³⁾	424.716.170.700	424.716.170.700	341.106.595.291	341.106.595.291
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	60.291.247.280	60.291.247.280	22.896.857.280	22.896.857.280
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	-	-	26.966.703.700	26.966.703.700
Cộng	950.650.419.945	950.650.419.945	669.663.788.185	669.663.788.185

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư với tổng giá trị là 1.020.324.573.654 đồng (xem Thuyết minh V.2, V.7, V.9, V.10).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽³⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽⁴⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	669.663.788.185	3.960.706.578.569	(3.679.719.946.809)	950.650.419.945
Cộng	669.663.788.185	3.960.706.578.569	(3.679.719.946.809)	950.650.419.945

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	186.728.880.000	17,38	186.728.880.000	17,38
- Bà Vũ Thị Hạnh	178.433.590.000	16,61	178.433.590.000	16,61
- Các cổ đông khác	709.234.340.000	66,01	709.234.340.000	66,01
Cộng	1.074.396.810.000	100,00	1.074.396.810.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2025.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-
Cộng	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.074.396.810.000	934.275.650.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	140.121.160.000
+ Vốn góp cuối năm	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000
- Cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (công ty mẹ chia)	107.439.681.000	28.028.269.500
- Cổ tức, lợi nhuận bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá) công ty mẹ chia	-	140.121.160.000

19d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.439.681	107.439.681
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	107.439.681

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu kinh doanh xe	4.114.081.231.685	4.945.304.179.048
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	516.482.203.135	544.017.756.714
- Doanh thu hoạt động khác	20.018.307.285	23.965.408.412
Cộng (*)	4.650.581.742.105	5.513.287.344.174

Trong đó Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VIII.3).

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	3.332.426	75.510.848
Cộng	3.332.426	75.510.848

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn kinh doanh xe	3.857.001.390.036	4.555.729.599.839
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	432.716.585.089	441.602.539.420
- Giá vốn hoạt động khác	6.004.940.952	4.032.098.776
Cộng	4.295.722.916.077	5.001.364.238.035

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.352.772.507	702.217.249
Cộng	1.352.772.507	702.217.249

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	37.473.054.821	22.802.781.677
Cộng	37.473.054.821	22.802.781.677

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	83.251.179.995	90.074.185.389
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.393.217.281	27.034.096.229
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	56.994.909.917	38.396.435.742
- Chi phí bán hàng khác	50.412.261.238	52.589.148.586
Cộng	221.051.568.431	208.093.865.946

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	67.166.584.209	51.925.460.919
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.858.707.896	7.033.617.902
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	11.274.644.042	11.058.523.850
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.288.573.933	5.092.084.487
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	40.567.976.616	28.628.063.447
Cộng	137.156.486.696	103.737.750.605

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Từ tiền hỗ trợ kinh doanh xe	83.639.021.561	64.729.654.729
- Lãi thanh lý tài sản cố định	12.439.764.568	7.081.494.389
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	253.550.499.999	209.651.653.092
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	(241.110.735.431)	(202.570.158.703)
- Thu nhập khác	1.760.202.050	8.920.299.065
Cộng	97.838.988.179	80.731.448.183

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	2.334.989.546	365.866.193
Cộng	2.334.989.546	365.866.193

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	39.083.770.794	203.569.675.920
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Tách lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(33.464.389.461)	(78.596.451.809)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.518.062.795)	(20.201.627)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.101.318.538	124.953.022.484
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	107.439.681	107.439.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	29	1.163

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	39.083.770.794	203.569.675.920
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(33.464.389.461)	(78.596.451.809)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.518.062.795)	(20.201.627)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.101.318.538	124.953.022.484
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	107.439.681	107.439.681
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày kết thúc kỳ kế toán (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	29	1.163

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	340.786.411.909	266.509.408.845
- Chi phí nhân công	223.987.618.051	198.811.340.263
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.494.079.617	45.563.082.591
- Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	11.274.644.042	11.058.523.850
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.155.026.974	64.815.079.045
- Chi phí khác	118.713.640.596	126.066.972.269
Cộng	837.411.421.189	712.824.406.863

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VNĐ)

1. Chi tiết lưu chuyển tiền tệ

Mã số 36. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
- Công ty mẹ đã trả cổ tức cho cổ đông công ty mẹ	107.344.059.000	28.667.872.500
- Các công ty con đã trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	22.887.657.000	2.858.908.000
Cộng	130.231.716.000	31.526.780.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương, thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.237.692.308	420.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	827.692.308	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.527.692.308	1.439.038.462
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên HĐQT (đến ngày 15/3/2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2021)	946.923.077	1.090.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên HĐQT	227.692.308	180.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT	-	40.961.538
Ông Trần Văn Mỹ	Thành viên HĐQT (từ ngày 15/3/2025) kiêm Phó Tổng GD (đến ngày 15/3/2025)	1.480.769.231	1.040.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	830.000.000	650.000.000
Cộng		7.078.461.540	5.160.000.000

(*) Tiền lương, thù lao của các thành viên chủ chốt là tiền lương, thù lao tại công ty mẹ và các công ty con.

3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ với Tập đoàn
1. Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (Samco)	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể đến công ty con (Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây)
2. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Cơ khí Ô tô An Lạc	Công ty cùng tập đoàn Samco
3. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Ô tô Toyota - Bến Thành	Công ty cùng tập đoàn Samco
4. Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Công nghiệp và Dịch vụ ô tô	Công ty cùng tập đoàn Samco
5. Công ty CP Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn Samco
6. Ông Đỗ Tiến Dũng	Cổ đông lớn của Công ty
7. Bà Vũ Thị Hạnh	Cổ đông lớn của Công ty

Giao dịch trong năm với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (Samco)		
Mua phụ tùng	-	2.561.400
Chia cổ tức	4.800.000.000	2.400.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Ô tô Toyota - Bến Thành		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	-	27.082.000

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV (Samco)		
Mua phụ tùng	-	2.561.400
Chia cổ tức	4.800.000.000	2.400.000.000
Mua phụ tùng xe	-	10.477.150
CN Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XN Công nghiệp và Dịch vụ ô tô		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng	3.332.426	24.797.248
Công ty CP Xe khách Sài Gòn		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe	-	23.631.600

Số dư với bên liên quan khác
Không có số dư với các bên liên quan khác.

4. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
- Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:
 - Kinh doanh xe Ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, MG, Vinfast;
 - Kinh doanh dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng;
 - Hoạt động dịch vụ khác.

	Kinh doanh Xe Ô tô	Kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng và khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	4.114.081.231.685	536.500.510.420	4.650.581.742.105
Giá vốn hàng bán	3.857.001.390.036	438.721.526.041	4.295.722.916.077
Lãi gộp	257.079.841.649	97.778.984.379	354.858.826.028
Năm trước			
Doanh thu thuần	4.945.304.179.048	567.983.165.126	5.513.287.344.174
Giá vốn hàng bán	4.555.729.599.839	445.634.638.196	5.001.364.238.035
Lãi gộp	389.574.579.209	122.348.526.930	511.923.106.139

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
- Trong năm, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem Thuyết minh số V.2, V.7, V.9, V.10, và V.18). Tổng giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.020.324.573.654 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ (Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh) cam kết bảo lãnh cho các công ty con (Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM, Công ty CP Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây) bằng tài sản của Công ty Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (xem thuyết minh số V.18). Giá trị bảo lãnh mỗi công ty con tại các ngân hàng trong phạm vi hạn mức thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị được quy định theo Điều lệ Công ty.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Người lập biểu
Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026.
Chức vụ Hội đồng Quản trị

TRẦN KHÔI NGUYỄN
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG
ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TÀNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024					
Tại ngày 01/01/2024	934.275.650.000	30.524.927.236	150.223.013.451	48.980.301.766	1.164.003.892.453
Tăng trong năm	140.121.160.000	-	124.973.224.111	241.263.696.699	506.358.080.810
- Lãi trong năm	-	-	124.973.224.111	78.596.451.809	203.569.675.920
- Cổ đông không kiểm soát tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	134.500.222.500	134.500.222.500
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	-	28.167.022.390	28.167.022.390
- Bỏ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế và từ thặng dư vốn cổ phần	140.121.160.000	-	-	-	140.121.160.000
Giảm trong năm	-	(30.524.927.236)	(146.196.648.784)	(2.900.846.105)	(179.622.422.125)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế và từ thặng dư vốn cổ phần	-	(30.524.927.236)	(109.596.232.764)	-	(140.121.160.000)
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	(8.551.944.893)	-	(8.551.944.893)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(28.028.269.500)	(2.858.908.000)	(30.887.177.500)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(20.201.627)	(41.938.105)	(62.139.732)
Tại ngày 31/12/2024	1.074.396.810.000	-	128.999.588.778	287.343.152.360	1.490.739.551.138
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025					
Tại ngày 01/01/2025	1.074.396.810.000	-	128.999.588.778	287.343.152.360	1.490.739.551.138
Tăng trong năm	-	-	6.171.109.675	38.253.319.314	44.424.428.989
- Lãi trong năm	-	-	5.619.381.333	33.464.389.461	39.083.770.794
- Hợp cộng tài sản thuần của công ty con từ việc công ty mẹ năm quyền kiểm soát công ty con trong năm đầu tiên tại ngày mua	-	-	-	4.788.929.853	4.788.929.853
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CĐKKS phát sinh trong năm	-	-	551.728.342	-	551.728.342





2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CTCP DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



ĐỖ TIẾN DŨNG
Chủ tịch HĐQT





CTCP DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH



333 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



+84.(28).3512.0026



<https://haxaco.com.vn/>